

THĂNG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM VĂN HIẾN

DOẢN KẾ THIÊN

HÀ NỘI

cũ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

HÀ NỘI cũ

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

(V.H): V24

1128-2009

QĐND - 2010

DOÃN KẾ THIỆN

HÀ NỘI cũ

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2010

Sách này được tác giả Doãn Kế Thiện biên soạn, xuất bản từ lâu, nhưng theo đề nghị của gia đình tác giả vì vậy chúng tôi giữ nguyên nội dung đã xuất bản.

"ÔNG ÂM" CỬA ĐÔNG

Cơn biển có đất bằng nổi sóng,
Cai Tổng Vàng hò hồng một phương.
Quan quân tiêu phủ hết đường,
Văn mưu, võ dũng ra đường bó tay,
Bỗng tin báo ta nay thắng trận,
Giữa đình Nhôi đánh chặn địch quân.
Bắn ra một phát súng thần,
Vô tình trúng đạn xong thân Cai Vàng.
Dẹp tan giặc tiếng vang đâu đó,
Ông này thì, ông nọ to gan,
Rồi ra tiến chức thăng quan,
Ởn vua lộc nước hân hoan bao người.
Nỗi u ẩn nào ai biết đến,
Kẻ công to đội Hén mới là,
"Ông Âm" một tiếng thét ra,
Cừ khôi đã chết giặc đà tan ngay,
Công lao ấy ai hay chẳng lá,
Đội Hén hèn khôn há miệng ra,
"Ông Âm" lại khác người ta,
Miệng to nhưng chẳng nói ra nửa lời,

*Nào, đội Hên kêu gọi trách phạt,
Buồn, “Ông Âm” nằm trấn cửa Đông,
Đim người mạo nhận lấy công,
Trò đời vẫn thế nào lòng lấm thay!*

Bài văn trên này, ghi trong một cuốn tạp lục còn sót lại của tổ phụ Trần Quân, bạn thân của tôi ở Ngọc Hà. Trong tạp lục có chua rõ bài văn ấy là của Vân Hồ độn tẩu làm ra từ năm Tự Đức thứ 16 (1863) kể qua tình hình Quân Cai Vàng quấy rối miền Bắc và sự đánh dẹp của quan quân ta lúc ấy thế nào, bản ý cốt vì người tỏ nổi bất bình, có công to mà bị vùi dập, kẻ vô công lại vì đó mà được giàu sang. Thấy lời văn dù quê kệch, nhưng có tính chất về lịch sử, tôi muốn được rõ hẳn nguyên ủy và chân tướng cái việc mà tác giả đã nói thì may đâu được ngay ông cụ láng giềng Trần Quân, một cố lão đã bảy chín tuổi kể lại cho nghe rất có ý vị. Nhất là câu chuyện “Ông Âm” là một giai thoại ở đất cố đô này, trước đây bảy, tám mươi năm.

“Ông Âm” là ai? Đúng như lời văn đã tả, “Ông Âm” quả khác người ta. Ông chẳng phải là người, mà chỉ là một khẩu thần công đại bác.

Nguyên sau khi vua Gia Long thống nhất nước Nam, đặt Hà Nội là Bắc thành, lấy làm nơi tổng trấn cả xứ Bắc Kỳ, đặt trọng binh để trấn nhiếp. Quân đội chia ra nhiều doanh, mỗi doanh ngoài các võ khí cần dùng lại có một khẩu thần công đại bác. Khi một doanh nào phụng mệnh đi đánh trận, nếu gặp cường địch, đều xe

đại bác đem theo. Mỗi khẩu đại bác đều được coi như thần vật, nhà vua đều ban cho một tên riêng như Khóa sơn, Khiết điện, nghe rất oai. Trước khi đem ra trận viên tướng Chuồng doanh phải làm lễ khấn vái rất cung kính, đi dọc đường có áo phủ lọng che, quân lính hộ vệ hai bên, coi như một vị thần tướng vậy.

Trong số thần công đại bác ấy, có khẩu của Thần Sách doanh là có oai danh lừng lẫy hơn, từng dự nhiều trận đại chiến, phá được nhiều đám cường địch, đã được phong làm “quận công”. Đặc sắc của đại bác ấy là bắn rất nhạy, tiếng nổ ran như sấm dậy, nên trong cơ lại kính tặng một cái huy hiệu là “Ông Âm”.

Địa điểm của Thần Sách doanh là ở khu đặt bên trong Cửa Đông, giữ trách nhiệm trấn giữ cửa ấy. “Ông Âm” đặt ngay ở trước cửa doanh. Khí thế rất hùng vĩ. Hàng tháng hai ngày sóc vọng, trong doanh đều có đặt đèn hương phụng sự. Ngoài ra, nhân dân ở các phố cũng lũ lượt mang vàng hương đến kê cầu, tranh nhau lấy giấy in cái miệng “gang thép” rộng lớn của “Ông” mang về thay làm bùa trấn trạch. Họ tin rằng ông đã có sức mạnh giết chết được bao nhiêu cường địch thì tất cũng dư khí thiêng trấn áp những lũ ác ma. Vì vậy “Ông Âm” Cửa Đông đã lừng tiếng tối linh trong một thời.

Trong việc chiến trận, “Ông Âm” đã dư sức thần võ cả trong doanh, lại chỉ có Đội Hấn như riêng được “Ông” cho quyền ra oai mà thôi. Mỗi khi cần dùng đến ông, cứ có Đội Hấn tọng thuốc đứng bắn, thì mười phát đầu

mười, nếu dùng người khác thay vào, chẳng những không công hiệu gì, có khi còn xảy ra nguy hiểm là khác nữa.

Năm Tự Đức thứ 15 (1862), Cai Tổng Vàng tức Nguyễn Văn Thịnh nổi loạn quấy phá tỉnh Bắc Giang, rồi đánh chiếm Bắc Ninh, từ tháng hai đến tháng tám, trong sáu tháng giời làm cho triều đình nhiều phen hao binh tổn tướng, không sao dẹp tan được. Bỗng ngày ba mươi tháng tám, có tin quan quân thắng trận đồn dấy khắp nơi, và đã giết được Cai Vàng tại đình làng Nhồi, tức làng Đình Bảng phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bây giờ.

Xét ra giết được Cai Vàng là nhờ có “Ông Âm” và Đội Hến. Nguyên lúc ấy Cai Vàng thừa thắng chực tiến quân về lấy Hà Nội, kéo đại quân vào chiếm đóng làng Nhồi làm căn bản, vì ở đó có rừng lớn cây rậm, dễ bề ẩn phục. Dò biết như thế, quan quân ta liền kéo một đạo sang đánh phủ đầu và chặn đường, cùng đạo quân ở tỉnh Bắc đánh chặn mặt sau làm hộ ứng. Hai mặt cùng đánh riết, nhưng đã bốn năm ngày đêm không sao phá được. Sự khó khăn ấy bỗng gọi lên lòng lập công của Đội Hến, dù không dự trong cuộc chiến tranh ấy. Vì Đội Hến cũng người Bắc Giang đã thừa rõ hình dạng và cử chỉ của Cai Vàng, liền tự đứng ra xin quan trên cho phép đem “Ông Âm” đến trận địa, quyết thế nào cũng giết được tên cừ khôi kia. Đang lúc cần người, quan trên liền ưng cho.

Được phép rồi, Đội Hến cùng toán quân bộ hạ, rước “Ông Âm” đi ngay. Tới nơi xem xét hình thế kỹ càng rồi

chọn được một cái gò cao, Đội Hến đặt “Ông Âm” trông thẳng vào đình làng Nhồi. Dự bị các việc xong rồi, Đội Hến trèo lên một cây to nhìn ngắm hồi lâu, rồi ra hiệu cho quân bắn vào. Theo đó, một tiếng nổ dữ dội làm chuyển động cả một phương trời. Một lát sau, trong làng có nhiều tiếng kêu hét họa theo, như có vẻ rối loạn. Đội Hến nói to lên là Cai Vàng đã bị bắn chết rồi, xin quan quân đánh riết vào sẽ bắt được hết đảng giặc. Quả nhiên, sau đó mấy giờ, cổng làng bỗng mở rộng, quân Cai Vàng lũ lượt kéo ra xin hàng. Một toán dân lại khiêng cả thi thể Cai Vàng ra trình nộp.

Sau khi khải hoàn, cây có công to, Đội Hến chắc sẽ được trọng thưởng, nhưng chờ đợi mãi. Hết người này được thăng quan đến người kia được tiến chức, riêng mình Đội Hến lại bị bỏ quên. Cái hy vọng giàu sang đã tiêu tan như một giấc kê vàng, Đội Hến sinh lòng chán ngán, bèn từ chức trở về, để mặc “Ông Âm” nằm trơ lại đó, dãi dầu bao cơn mưa sa gió táp. Rồi chẳng thể trơ gan cùng tuế nguyệt, “Ông Âm” cũng bị đào thải sau một cuộc tang thương.

ĐỀN HÀNG TRỐNG PHẢI CHẶNG THỜ MỘT CA NHI TÀI SẮC ĐÃ LÀM CHO HOÀNG HẬU NỔI CƠM GHEN*

Đền Hàng Trống? Đền Đông Hương? Đó tuy không phải là một tự quán nguy nga, điện đài tráng lệ, nhưng hầu hết các người có óc thượng quý đều nhận là một linh tích, hàng ngày lũ lượt kéo đến lễ bái kêu cầu, nhất là hai ngày sóc - vọng hàng tháng, số người đến hương hoa đỉnh lễ có hàng trăm hàng ngàn người.

Mới thoát nhìn bốn chữ viết trên bức biển hoành treo trước đền: “Khiến thiên chi muội” nghĩa là “ví như em gái giời”, khách qua đường biết ngay đền ấy thờ một vị nữ thần.

Theo lời tục truyền, vị nữ thần ấy họ Nguyễn, tên là Thị Huệ, nguyên là một hoa khôi trong xóm bình khang đã từng nổi danh tài sắc một thời.

* Đây là một bài trong loạt bài về *Hà Nội cũ* của Sở Bảo Doãn Kế Thiện in trên *Trung Bắc chủ nhật*. Sách *Hà Nội cũ* của Nxb Hà Nội đã dẫn trên không có bài này nên chúng tôi tuyển thêm vào đây.

Cũng như phần nhiều các thần tích khác, về niên đại và thân thế sinh tiền của vị Đông Hương thần nữ này không có bản sách nào chép lại, người sau chỉ bằng ở những lời tục truyền đây về hoang đường. Ngoài ra chỉ có hai thuyết do một vài cố lão kể lại, còn có tính cách về nhân sư.

Hai thuyết đó chẳng rõ có quả đúng như sự trạng của tôn thần không, nhưng chúng tôi cũng xin thuật cả ra sau đây để chất chính các bậc cao minh, am tường cổ điển.

Thuyết thứ nhất nói Đông Hương nữ thần nguyên là một ca nhi trong một giáo phường, về nhan sắc đã có vẻ yêu kiều diễm lệ mà về thanh âm lại có giọng uyển chuyển du dương. Năm 16 tuổi nàng đã nổi tiếng danh ca khắp kinh kỳ. Cái diễm danh của nàng nhân đó lọt tới cửu trùng, vua cho triệu vào cung, đem lòng yêu quý lắm. Nhưng không may cho nàng, gặp phải bà hoàng hậu lại có lòng thâm độc, e nàng được vua yêu mến có ngày sẽ cướp mất địa vị của mình chăng, liền giả ý kết thân, ngày ngày cho mời sang chính cung trò chuyện. Thực lòng nào biết mưu gian, người con gái ấy bỗng sa vào bẫy! Một hôm hoàng hậu mời nàng ở lại dùng cơm chiều, cố ý đổ rượu cho nàng uống rõ say. Tới khi thấy nàng đã say quá ngã lăn ra, hoàng hậu liền mật sai mấy tên tâm phúc ngay đêm tối khiêng nàng ra vườn hoa đào hố chôn sống, chôn xong san phẳng đất làm cho mất hẳn dấu vết đi. Việc thăm sát này rất bí mật, sau đó các cung giám chỉ tâu vua là nàng bỏ cung cấm lên trốn ra ngoài,

không biết đi đâu. Vua dù thương tiếc ngờ vực cũng không biết xét ra thế nào.

Sau đó ít lâu, hoàng hậu bị đau nặng. Trước khi chết, bà vùng đứng dậy, chạy ra vườn hoa đến chỗ đã chôn giấu nàng, tự mình lại kể rõ cái âm mưu đã hại nàng như thế nào, rồi hộc máu ngã lăn ra mà chết. Bấy giờ vua mới rõ chân tướng, xiết bao thương xót, rồi cho xây lăng và lập đền thờ nàng ngay ở đó.

Tục truyền, nơi đền thờ chật hẹp ở Hàng Trống bây giờ, tức là nơi nàng bị chôn sống. Đất tốt khí thiêng đã làm cho tám u hồn của nàng ngày thêm linh sáng, hương khói ngàn thu. Nghe nói một nhà cự phú ở phố đó, trước đây định xin cúng một khoảng đất riêng ở gần đền, rồi bỏ tiền ra rời ngôi đền vào quá bên trong, làm cho có vẻ nguy nga tráng lệ, nhưng nữ thần báo mộng tỏ ý không bằng lòng, nên việc làm đền mới đành phải thôi.

Đó là thuyết thứ nhất. Còn thuyết thứ hai?

Thuyết thứ hai nói nàng là người làng Cự Lâu, một làng gần Hồ Hoàn Kiếm khi xưa. Vốn là con một nhà trâm anh phiệt duyệt, lại có nhan sắc nên từ khi tới tuổi cập kê, biết bao công tử vương tôn ngấp nghé tường đông, rấp ranh bán sẻ. Nhưng ngọc lành còn đợi giá, mắt xanh không để ai vào, tới năm đã hai chục tuổi xuân, nàng vẫn chưa chịu cùng ai kết nên đôi lứa.

Làng Cự Lâu ở ngay kinh kỳ, con gái phần nhiều làm nghề ca xướng. Từ khi khôn biết, nàng đã tỏ ý khinh bỉ nghề ấy, cho là một nghề không chính đáng, làm mất

cả phẩm giá đáng quý của phụ nữ. Đã có chí ấy lại nhờ sinh được vào nơi gia tư phong túc, không bí bách về sinh kế nên nàng được yên tâm theo như chí nguyện, chuyên việc vá may canh củi, lúc rỗi lại theo đòi học tập bút nghiên. Vì riêng có chí khí đó nên phẩm giá của nàng lại càng cao.

Nhưng hồng quân với hồng quần, bao giờ cũng như ghét ghen trên cọt. Nàng đang sống trong một cảnh gia đình sạch trong êm đẹp, đất bằng bỗng nổi sóng, sau một cơn gia biến, tài sản khánh kiệt, cha già bị bệnh rồi tạ thế, còn lại một mẹ già ốm yếu, sớm hôm chỉ trông cậy vào một nàng chăm sóc phụng thờ.

Lấy gái làm giai, đối với mẹ già, nàng thực đã hết lòng hiếu thuận. Nhưng bà mẹ tuổi càng cao bệnh càng nặng, hàng ngày thuốc thang cơm cháo, mỗi thứ mỗi tốn, trông vào số tiền kiếm được về nữ công quá ít ỏi, thường không đủ cung. Nếu chỉ cứ thế thì lần hồi hôm sớm cũng tạm được qua ngày, nhưng con tạo vẫn cơ cầu, định theo dõi để thử gan người thiếu nữ. Vì bệnh nặng lâu ngày, bà mẹ lâm vào chứng bất trị, muốn được chữa khỏi thuốc thang phải tốn hàng trăm. Tiền lương không có, nhưng không lẽ chịu bó tay, ngộ biến phải tòng quyền, nàng đành phải lăn mình vào đám bụi nhơ, theo các bạn gái người làng, kiếm ăn về nghề sinh phách.

Vốn đã được nhiều người để ý, tới nay lại hiện thân trong xóm bình khang, giá ngọc càng treo, phẩm người càng trọng. Nhưng với một nghề mà nàng đã sẵn lòng

khinh bỉ, nên dù hàng ngày ở trong làng sơn phấn, nàng vẫn riêng mang một chí nguyện và quyết giữ cho tâm thân được tuyệt sạch giá trong. Được hơn hai năm, mẹ già nàng đã lánh tục quy tiên, nàng cũng xuất gia đầu Phật, trụ trì ngay tại chùa làng, sống lâu 75 tuổi mới mất.

Tạ thế rồi, nàng hiển linh nhiều lần, nhân dân máy xã gần đó thường khi đặt đàn cầu khẩn, về sau lập đình Đông Hương để thờ.

Tục truyền xưa kia một năm gặp ngày thần đàn, dân làng có đem cô đầu hát thờ, một cô đầu đang đứng hát bỗng ngã lăn ra mê man bất tỉnh, rồi thân tá khẩu vào một bà trong làng phấn bảo rằng: Từ đây về sau, nếu còn đem đào hát tới đây, tức là làm điều vô lễ với ta, ta sẽ vật chết! Có lẽ vì câu chuyện tục truyền ấy, mà từ xưa ở phố Hàng Trống một khu ở dưới quyền thống trị của nữ thần, hễ có việc gì vui mừng, không ai dám bày cuộc hát cô đào. Hai mươi năm trước đây, một nhà buôn nọ mở cửa hàng ở phố ấy, nhân có tiệc cưới con giai, đón cô đào hát mừng, chẳng bao lâu buôn bán bị thất bại, người ta nói đó là bị thần âm phạt vì đã vô tình can phạm vào điều cấm kị của thần.

Cho được tỏ lòng tôn kính hơn nữa, trong các thứ hương hoa tiên cúng, riêng có hoa huệ không ai dám dùng đến bao giờ, vì tên hoa trùng với tên húy của nữ thần vậy.

ĐÌNH YẾN LÃO

*Ung dung gậy trúc chống đi,
Áo chùng chám gót mũ ni che đầu.
Cụ ơi, cụ sắp đi đâu?
Ra đình Yến Lão tiệc châu vua ban.
Cháu ơi, cháu chơi cho ngoan,
Cụ về có gói phân ban chia đều,
Ơn vua ít cũng như nhiều!*

Mấy câu ca dao này, tôi được nghe trong một tiệc mừng thọ do một vị cố lão kể lại, nói đó là những câu trẻ con thường hát ở cố đô này sáu bảy mươi năm về trước. Khi nói, cụ có vẻ ngậm ngùi tiếc nhớ một ân điển về cố thời, đã cùng với bao nhiêu cái đẹp, cái hay khác của đất nước này theo cuộc bể dâu thay đổi mà vô tình tiêu diệt rồi. Ra về cảm khái cụ nói:

- Các ông xem đấy, câu nói “tuổi thọ là tước của giới cho” ngày xưa thực là đúng lắm. Chẳng những được mọi người kính trọng, đến cả đức Chí tôn ở nơi cửu trùng thâm nghiêm cũng có lòng nhớ đến. Theo lễ “thất thập trượng ư quốc” nghĩa là người bảy mươi tuổi được chống

gậy đi ở trong nước, cũng như ở kinh sư, hàng năm có ban dụ cho quan đầu các tỉnh ngoài, chọn một ngày trong mùa xuân, trích của kho đặt một tiệc gọi là *Tiệc Yến Lão* ở một nơi nào trong tỉnh lỵ, rồi sức cho các xã đưa các cụ già từ bảy mươi tuổi trở lên cho được dự yến, gọi là *Yến của vua ban*. Dự yến xong, lại theo tuổi hơn kém ban cho tiền lụa hay vóc nhiều nữa.

Thực là một mỹ tục có ý nghĩa rất hay. Nhân vui câu chuyện, tôi lại hỏi:

- Trong câu hát có nói “đình Yến Lão” đình ấy tất là một sở riêng, chẳng hay ở vào chỗ nào?

Cụ lại vui vẻ nói:

- Sau bao cuộc đổi thay, lão cũng không còn nhớ đích nữa, chỉ nhớ khi bé, thấy những nhà có ông cha đi dự Yến, con cháu rủ nhau đi đón, đều nói là đến đình Yến Lão ở sau nhà Kính Thiên chừng vào khoảng bãi tập *Mangin* bây giờ. Người xưa đặt như thế là có ý nghĩ các cụ già sức yếu đi xa không tiện, làm đình ở gần nhà Kính Thiên (nơi để bái vọng và để khi ngự giá vua làm nơi trụ tất) để các cụ lại bái mạng tạ ân cho gần.

Sau mấy chén rượu nồng, tuổi già như thêm sức mạnh, vượt chòm râu bạc như cước, cụ lại vui vẻ kể luôn:

- Khi lão mới mười tuổi, vì trong nước xảy ra nhiều việc, tục ấy đã bỏ rồi, tới nay vừa đúng tám mươi, dù đã trải qua bảy mươi năm, nhưng cái việc hay ấy vẫn còn in trong trí nhớ. Khi lớn lên, đôi khi thường được các cụ

từng được dự yến kể lại cho nghe; tiệc Yến Lão thường đặt vào trung tuần tháng hai. Trước một ngày, các cụ già ở các phủ, huyện theo giấy sức đã tề tựu đông đủ. Người làng nào đều do lý trưởng làng ấy hướng dẫn và mỗi cụ đều có con cháu theo hầu.

Tới ngày, các cụ ở phủ, huyện nào do quan sở tại nơi ấy dẫn vào nhà Kính Thiên. Có chỉ truyền tuổi già sức yếu cho được miễn quy lạy, chỉ đội mũ ni, bận lễ phục (áo thụng) theo tuổi xếp hàng trên, dưới ở trước sân, nghe hiệu viên quan xướng lễ, vái ba vái mà thôi, gọi là bái mạng. Các cụ vái xong, quan đầu tỉnh khâm mạng tuyên đọc sắc chỉ, đại ý nói thể theo chế độ dưỡng lão của các Thánh vương ngày xưa, triều đình đặt ra tiệc Yến Lão này để tỏ ý kính trọng tuổi thọ là thiên tước và là một niềm hay của nước nhà.

Nghe sắc chỉ xong, các cụ lũ lượt theo các quan dẫn sang đình Yến Lão dự yến. Trừ các cụ nào già yếu quá không thể đi được đã có các thứ ban riêng, do quan địa phương sức thân nhân đến lĩnh về. Còn các cụ có mặt ở đó, theo tuổi cứ bốn cụ một cỗ cùng nhau ăn uống rất vui. Ăn xong ngoài tiền lựa hay gấm vóc, mỗi cụ được ban chùng nào, lại được một đặc ân, tất cả các thứ bánh trái, thức ăn trong cỗ yến đều được chia hết đem về phân phát cho con cháu, có ý muốn để cho cả nhà cũng được gọi nhuan ơn mưa móc của nhà vua. Mãn tiệc, các cụ lại theo các quan dẫn đến nhà Kính Thiên xếp hàng vái ba vái tạ ân rồi mới giải tán.

Lễ Yến Lão này cũng gọi là *Bô Lão*. Chữ “Bô” ở đây có nghĩa là vuagiaon cho được uống rượu vui vẻ. Các đời vua xưa mỗi khi trong nước có sự gì vui mừng thường có tiệc Đại bô; nghĩa là hạ sắc cho thần dân trong nước đều được uống rượu tự do, vui chơi trong một ngày. Có khi diễn ra trong năm ngày. Riêng cho các ông già thì gọi là Bô lão. Ngày nay, có người thường gọi các ông già là “ông Bô” hay “cụ Bô” có lẽ do đó mà ra chăng. Cụ Bô, ông Bô phải chăng chỉ những người đã đến tuổi được dự yến của nhà vua?

Ngày xưa, khi tục này còn, cả nước đều coi là một ân điển, nhà nào có ông cha được dự yến, cả nhà ấy đều lấy làm vẻ vang. Có nhiều cụ khi dự yến, chỉ uống rượu suông còn bao nhiêu bánh trái và các món ăn đều để nguyên, đợi tiệc xong chia phần đem về, trước hết dâng cúng gia tiên, rồi đem chia khắp cho anh em con cháu, họ hàng, dù mỗi người chỉ được một tí, làm thế là tỏ ý được dự ơn vua là sự rất hiếm có, dù riêng mình được hưởng, nhưng lại muốn cho những người thân, từ kẻ còn tới người đã khuất cũng đều được chia sẻ chút ân ba.

BÃI QUÂN NGỰA CỦA CHÚ CẦU

Phố Mã Mây ngày nay, người ta thường gọi là phố Cờ Đen, vì phố ấy vào khoảng đầu năm Ngọ (1882), mấy toán quân Cờ Đen, bộ hạ Lưu Vĩnh Phúc sang giúp quan quân ta, lấy đó làm trụ sở.

Toán quân Cờ Đen ở đó, có một tên phó tướng là Phùng Bá Cầu, theo giọng nói của chúng, người mình gọi ngay là chú Cầu.

Cầu người thấp bé, nhưng có hai con mắt rất ghê sợ, bao giờ cũng chỉ trông thẳng và coi bộ hau háu như mắt cú, chỉ nhác qua cũng đủ rõ là con người hung ác lạ thường.

Cũng như phần nhiều đồ đảng, Cầu nghiện thuốc phiện rất nặng, mỗi ngày hút tới hai ba trăm điếu. Cặp môi thâm, đôi má hóp và cái nước da xanh như lá, đủ khiến cho người ta dễ nhận Cầu là một tay kỳ cựu trong làng bẹp tai.

Nghiện nặng như thế, nhưng Cầu cũng không giảm cái sức khỏe tài nhanh, nhất là môn vừa phi ngựa vừa

múa đao, lại có cái thủ đoạn cao cường lắm. Cậu chọn một bãi đất rộng ở trên bờ sông, rộng chừng một mẫu, theo trí nhớ của một cố lão thì bãi ấy ở vào khoảng bên ngoài ngõ Phát Lộc bây giờ, chung quanh có rào nứa, bên trong rải đầy cát trắng, đôi khi Cậu cùng các tướng bạn ra đó diễn tập.

Một lần có cuộc diễn tập, người mình lại kéo nhau ra đứng vây ở bên ngoài bờ rào để xem. Đến lượt Cậu biểu diễn, ai nấy đều chú ý. Chỉ một chớp mắt, trên lưng con ngựa cao lớn do một tên lính đứng giữ ở cửa vào, Cậu đã nhảy lên lúc nào ngồi chễm chệ, rồi nhanh như cắt, con ngựa đã theo ý Cậu vươn mình vọt chạy như bay. Hàng ngàn người đứng xem trở mắt trông theo, không còn nhận rõ hình ngựa, hình người, chỉ thấy như cái bóng vọt qua và những tiếng vun vút của thanh đại đao, theo những tiếng ấy các thân cây chuối giống rải rác ở trong bị chém đứt ngang rơi lả ra lông lốc. Chừng độ nửa giờ thì bãi cuộc, con ngựa đứng sững lại ở chỗ cũ, Cậu nhanh nhẹn nhảy xuống, trao thanh đại đao cho tên lính, mặt không đổi sắc và không tỏ vẻ mệt nhọc gì.

Bãi tập ấy của cả toán quân Cờ Đen nhưng người ta chỉ thích xem Cậu diễn nên gọi ngay là bãi tập hay quần ngựa của chú Cậu.

Cậu có cái vẻ hung ác mà lại kiêu ngạo nên người mình ít ai muốn gần, vậy mà lại có một ông già được Cậu rất kính trọng. Ông già này tên họ là gì, không ai rõ, chỉ

biết là một người từng làm ăn với các Hoa kiều đã lâu năm, nói tiếng Khách rất thạo. Hồi ấy Lưu Vĩnh Phúc dù nói là sang giúp quan quân ta để chống lại với quan quân Pháp, nhưng quân Cờ Đen vốn đều là dư đảng của giặc Thái Bình thiên quốc, chỉ là quân ô hợp, không có kỷ luật, lại do Lưu quá dung túng, nên đi tới đâu chúng cũng hoành hành, cướp của giết người và hãm hiếp phụ nữ. Tưởng nhờ được thế lực của chúng để lấy lại đất nước, ngờ đâu lại thành ra rước voi về giày mồ. Đã trót rồi, triều đình ta cũng không biết làm thế nào được. Chỉ còn việc cố chiều chuộng, lo cung ứng cho chúng đủ các thứ cần dùng để chúng khỏi quấy nhiễu nhân dân. Nhưng nào có được, ở đâu chúng cũng vẫn giở thủ đoạn tàn ác như thường.

Một hôm, chúng kéo một toán đông xông vào một nhà ở phố Hàng Mắm, chia nhau khuân các đồ vật quý giá mang đi, lại bắt luôn một người con gái lớn đem về trú sở. Đã mất của lại mất người, nhà giàu ấy xiết bao đau đớn, khổ nữa là người con gái ấy lại sắp về nhà chồng, lo sợ cuống cuống, nhà giàu ấy phải vào xin các quan ta can thiệp mà cũng không được.

Sự quấy rối tàn ác ấy đã gợi nên lòng công phẫn của hầu hết người mình bấy giờ. Nhưng ai nấy cũng đành bóp bụng, cắn răng tức giận mà không dám nói. Đứng trước tình thế ấy, một trang nghĩa hiệp đã không nề nguy hiểm tự dẫn thân vào miệng cọp để cứu người. Nhà nghĩa hiệp ấy tức là ông già đã nói trên.

Chẳng đợi nhà giàu ấy cậy nhờ, biết Cầu là một thủ lĩnh trọng yếu trong bọn Cờ Đen, ông liền kiếm cố xin vào yết kiến, và nói ngay đến việc tàn ác mà chúng đã làm. Ông nói nhiều, nhưng tóm lại có mấy lời rất khôn khéo, đại ý ông nói:

- Được tin các ngài kéo quân sang giúp nước tôi, ai nấy đều sốt sắng mong chờ như nắng lâu mong được trận mưa lớn. Không ngờ quý quân đã làm cho chúng tôi đều phải thất vọng và tự hỏi nhau có lẽ không phải là nghĩa binh mà triều đình tôi đã mời sang giúp sức, chỉ là bọn cường đạo ở biên cảnh đã mạo danh kiếm cố mà tràn sang. Nhưng lại có một mối nghi ngờ, vì thấy trong các vị thủ lĩnh đều là những trang hào kiệt, nhất lại là người giàu lòng nhân nghĩa như tướng quân, thì sao bộ hạ lại có những việc bạo hành như thế. Có lẽ do một vài kẻ dưới đã vi phạm kỷ luật mà làm càn như thế chăng?

Ông già nói thạo tiếng Tàu, lại có cử chỉ rất lễ phép, may được Cầu cũng có chút học thức và biết giữ danh nghĩa, nghe nói rất vui lòng và xin lỗi đã thất sát để cho kẻ dưới làm việc phi pháp ấy. Rồi tức thì hạ lệnh tra xét và thả cho người con gái kia được về nhà.

Biết rõ ông già đã cứu sống được con mình, nhà giàu thân đến tận nhà, biếu một số tiền lớn tạ ơn, nhưng ông nhất định từ chối không nhận.

Thấy là người nghĩa hiệp, nghe tin ai nấy đều tỏ lòng kính mến, nhất là các sĩ phu. Nhiều người tìm đến

xem người và hỏi họ tên, nhưng ông già chỉ mỉm cười mà không nói.

Sau cuộc hội kiến ấy, ông già được Cầu đem lòng kính trọng và thường mời đến nói chuyện trong những khi thưởng thú yên hà.

Sau tháng tư năm Ngọ (1882) quân Pháp đánh lấy Hà Nội lần thứ hai, nhân dân nơi cố đô này từ đó mới thoát hẳn được cái nạn bọn “Con giời sống xích” ấy.

CÂY DỪA BÊU ĐẦU

Nói đến những nơi rừng rợn ở Hà thành khoảng năm mươi năm về trước đây, ngoài cái “hồ xác trẻ” ra, lại còn nơi “cây dừa bêu đầu”. Người nào hèn nhát, nhất là đàn bà con trẻ đều coi như một thế giới riêng của bọn quỷ không đầu, hàng ngày hễ tới lúc mặt trời lặn không ai dám qua lại nữa. Nơi đó không phải là một nơi khuất vắng, lại chính là một nơi mà bây giờ chúng ta đều cho là chỗ rất phong quang, vui vẻ nhất Hà thành. Những buổi chiều hè, vì nóng bức, người ta lũ năm lũ bảy dắt nhau đến để đón những luồng gió mát của cây, của nước, của trời. Phải, đó là hồ Hoàn Kiếm. Trên bờ hồ, bãi đất lập ra nhà ga xe điện bây giờ, trước kia chỉ là một bãi cỏ rườm rà bát ngát, riêng làm một nơi chiến trường cho hàng đàn “Văn, Vện, Má, Mực” ở các phố gần đó hàng ngày mỗi buổi sáng kéo ra tranh mồi. Giữa bãi có mấy cây dừa cằn cỗi, thân cây sù sì, mỗi cây lúc nào cũng chỉ trơ có một cành lá xác xơ. Những bọn trẻ du đặng hay leo trèo lên các cành cây để kiếm quả ăn, hay đùa nghịch trên những cây cối xung quanh đó. Riêng mấy cây dừa kia chúng đều lắc đầu lè lưỡi không một đứa nào dám

bén mảng: chúng coi như mấy vị hung thần, lỡ phạm đến tất không toàn tính mệnh. Mấy cây dừa đó làm sao lại có cái ma lực ấy? Có gì đâu. Đó là chỉ vì thỉnh thoảng người ta lại đem treo một cái hay mấy cái đầu lâu của những trọng tù bị tội trăm quyết vào thân mấy cây dừa ấy, nói là “bêu” để làm gương cho kẻ khác coi đó làm răn. Mỗi khi có một cái đầu đem bêu ở đó, trên thân cây dừa lại dán một tờ giấy kể rõ tội trạng của kẻ đã bị tử hình ấy cho các người qua lại xem. Nhưng đối với cảnh thê thảm ấy, ai phải đi qua đó đều nhắm mắt rảo bước đi nhanh, còn gan nào đứng lại để nhìn. Họ hoàn lắm mới có một vài người đàn bà, vì lòng mê tín, đánh liều cầm mảnh giấy đón lấy giọt máu ở cái thủ cấp còn thánh thót rỏ xuống, đem về dán ở đầu giường, tin rằng đó là cái bí quyết để khu trừ ác quỷ Phạm Nhan, vì nó đã tàn ác làm cho họ hữu sinh vô dưỡng.

Một nơi rừng rợn ghê sợ như thế, vậy mà có một người đàn bà nhà quê đã to gan đang đêm lẻn đến chực lấy trộm một cái thủ cấp đem đi.

Theo chuyện kể lại, có hai người ở tỉnh Đông, vốn là bạn thân với nhau, một người họ Nguyễn, một người họ Đỗ. Người họ Đỗ nhà giàu, có một người vợ nhan sắc rất đẹp, người họ Nguyễn mỗi khi qua lại chơi bời, đem lòng thầm yêu trộm nhớ, dần dần lòng vật dục làm quên cả tình nghĩa bạn bè, lập tâm quyết chiếm lấy người yêu mới hả lòng. Người đàn bà kia dò biết tâm địa bất lương của bạn chồng, thường khuyên chồng nên tuyệt giao.

Cho là bụng đàn bà hẹp hòi, người chồng không tin, vẫn giao du như trước, không nghi kỵ gì. Một hôm Nguyễn cho người ân cần mời Đỗ đến dự tiệc, người vợ lại can ngăn đừng đi, Đỗ cũng không nghe, ngờ đâu sau nửa ngày dự tiệc trở về, qua một cơn đau bụng dữ dội, mồm mũi đều học máu tươi ra mà chết. Người vợ vật mình kêu khóc, quả quyết là Nguyễn đã dùng thuốc độc giết chết chồng mình, liền làm đơn kiện và xin quan về khám. Thấy việc vỡ lở, Nguyễn đem tiền đi lo lót mọi nơi, kết cục cái nghi án ấy, các nhà đương cục cho là không đủ chứng cứ, bỏ đi không xét.

Không giải tỏ được nỗi oan cho chồng, nàng quyết chí tự tay báo thù, nhưng mấy lần đều lộ cơ mưu, Nguyễn đều đề phòng và trốn tránh được cả. Cho là vì nhan sắc của mình mà chồng bị chết oan, nàng tự cầm dao băm mặt, hủy hoại dung nhan để tỏ chí. Thi dịp đâu may mắn, Nguyễn bị đảng giặc trong miền đặt tên xưng là đồng đảng, bị bắt giam rồi xử tử.

Được tin nàng lặn mò lên Hà Nội, tìm đến chỗ cây dừa bêu đầu ấy, chực lấy trộm thủ cấp Nguyễn đem về tế mộ chồng, nhưng bị lính canh bắt được giải vào trình quan, nàng kể rõ sự tình, quan động lòng thương và khen là người tiết liệt, cho được đặt bài vị chồng ở đó, đem thủ cấp Nguyễn làm lễ tế. Khi tế, nàng thương khóc rất thảm thiết, hàng ngàn người kéo đến xem đều phải cúi lòng ứa lệ. Sau đó, quan địa phương lại tâu xin triều đình ban khen cho nàng bốn chữ vàng: “Tiết liệt khả phong!”

XÓM HỌC TRÒ

*Ba gian nhà khách
Chiếu sạch giường cao
Mời các thầy vào
Muốn sao được thế,
Mắm Nghệ lòng giòn
Rượu ngon cơm trắng
Các thầy dù chẳng sá vào,
Hãy đừng chân lại em chào cái nao.
Đêm qua em mới chiêm bao
Có năm ông Cử mới vào nhà em.
Cau non bỏ, trâu cay tằm,
Đựng trong đĩa sứ em đem kính mời
Năm thầy tốt số hơn người,
Khoa này tất đổ nhớ lời em đây.*

Đó là mấy câu hát sáo của các cô ả bán hàng cơm ở xóm Học Trò trong đất cố đô này chừng sáu, bảy mươi năm về trước, mỗi khi gặp những năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu có thi Hương.

Xóm Học Trò ở vào chỗ nào? Cứ xem như tập “Long thành tạp thoại” thì di chỉ xóm ấy vào khoảng đầu vườn hoa Cửa Nam cho tới giữa ngõ Hội Vũ bây giờ. Vì xóm ấy ở gần Trường Thi, nên hằng năm có khoa thi, các cô ả buôn bán đăm đàng; đua nhau đến đó thuê nhà mở cửa hàng cơm, đón các thầy tú, thầy đồ vào trọ. Tới kỳ, sĩ tử các tỉnh, thầy nào tớ ấy, cổ đeo ống quyển, vai đeo tráp, mang lều chiếu, lữ lượt kéo nhau đến Hà Nội. Đến nơi, việc trước hết là phải tìm nhà trọ, vì muốn đỡ phí tổn và sự đi lại, các thầy đều chăm tìm nơi gần trường. Đón biết sự cần thiết của các sĩ tử, các nhà ở xóm ấy đều mở cho học trò vào trọ, hay cho các cô gái thuê mở hàng cơm, lâu dần, người ta gọi xóm ấy là xóm Học Trò, như xóm La Tinh ở kinh thành Ba Lê bên Pháp...

Mấy câu ca trên, đã thành những câu sáo. Tuy vậy, nhưng các cô cũng hóm hỉnh lắm, đã khéo biết gã vào chỗ ngứa của các cậu tú, cậu đồ, mà nói đúng ngay là “*đem qua em mới chiêm bao, có năm ông Cử mới vào nhà em*”. Đã đi thi dù có là học trò kém cũng tự đắc là tất đỗ, cái lòng tự đắc ấy đang làm cho các cậu phởn phơ, lại thấy các cô nói ngay ra thế, cậu nào lại chẳng nở mũi mừng thầm, cho mình tất là một trong năm ông cử mà các ả đã chiêm bao. Vì sự khéo léo hóm hỉnh của các cô, mỗi lần có khoa thi, xóm Học Trò trở nên một nơi vui vẻ và sầm uất nhất Hà thành. Và sau mỗi khoa thi, xóm ấy lại có thêm một vài câu giai thoại.

Năm Giáp Tý (Tự Đức thứ 17) có khoa thi Hương, trường thi Hà Nội theo lệ thường lại mở. Số sĩ tử có phần lại đông hơn các khoa khác, nghe nói vào kỳ đệ nhất có tới ba, bốn ngàn người. Khoa thi đông, các cô hàng cơm ở xóm Học Trò lẽ tất nhiên lại được một dịp phát tài.

Khoa ấy, các nhà và các hàng cơm trong xóm đều chật ních những học trò. Trái lại, riêng có hàng cô Thanh vắng ngắt. Cái cơ vắng khách ấy người ta cho rằng nguyên do ở sự cạnh tranh bất chính của các bạn hàng. Sự thực cô Thanh vắng khách chính vì cơ cô đã tự nâng cao thân giá, nếu không phải là người tài cao học rộng, ít khi được cô để vào mắt xanh. Thật ra sự mở hàng chứa học trọ, ý riêng cô không muốn làm, chỉ vì phải vâng lời mẹ già thương con muốn nhân dịp để kén chồng cho con vậy.

Cô Thanh nguyên là con một ông phú, cha mất sớm, bà mẹ sống một cách thanh bần nuôi con. Bà muốn kén rể hiền để hòng trông cậy. Nhưng cô Thanh lại trái tính, không ưa sự trang sức hoa hòe: về đường nhân duyên, cô lại ngỏ ý kén chọn một cách rất khe khắt. Đã đành là cầu người học thức, nhưng cô lại còn mong rằng người chồng tương lai của cô phải có cả tài lược khả dĩ giúp đời, giúp nước. Nhiều tay danh sĩ nghe tiếng cô, chực rắp ranh bắn sẻ đều bị cô cự tuyệt.

Khoa ấy, sau hôm vào kỳ đệ nhị, tức là kỳ thi phú, tại nhà hàng bên cạnh hàng cô, hơn hai chục cậu đồ, cùng ngồi đánh chén và khẩu vấn nhau. Rượu vào lời ra, các cậu làm vang cả lên như chợ.

Một chàng trẻ tuổi, cũng xưng là học trò nhưng không thấy vào thi, cứ mỗi ngày hai buổi ra đi, rồi lại về uống rượu một mình, lúc ấy đang ở gian bên cất tiếng ngâm to:

*Thôi đừng đọc nữa khổ tai tôi,
Cho cả nhà hàng bịt mắt thôi.
Tiếng súng bên thành kêu dậy đất,
Thần thi thánh phú ích cho ai.*

Đọc xong chàng cười sằng sặc rồi khóc hu hu. Các thầy đồ trong hàng đang gân cổ cãi nhau, đều im bật nhìn chàng chòng chọc rồi cùng tỏ vẻ tức giận hô nhau đánh. Hơi men đang bốc, tức thì kẻ gậy, người dùi xăm xăm chạy đến. Chẳng sợ hãi, chàng kia cứ ngồi một chỗ, vừa cười vừa nói:

- Tưởng các bác chỉ có năm văn bả mía đem đến đây để làm khổ mũi người ta, ai ngờ cũng biết gỡ võ kia à? Được rồi, tớ sẽ xin kính đáp lại các bác cho phải phép. Rồi chàng giơ đôi đũa nhẹ nhàng gạt dùi và gậy ra, các thầy đồ ngã xiêu ngã vẹo, kêu lên oai oái. Thấy vậy, sợ mất lòng một số khách đông và nhờ sinh sự gì nữa chẳng, cô hàng ra cạy chàng, bắt giả hết cả tiền cơm và đũa không cho ở nữa.

Chẳng nói lại nửa lời, chàng đứng dậy giả tiền ra đi, nhưng còn thiếu năm quan không có giả. Cô hàng đòi lột áo để trừ tiền. Đang lúc lúng túng không biết tính sao, chàng bỗng thấy một bố già vác đủ năm quan tiền đưa cho, nói là vâng lệnh chủ là cô Thanh, giả giúp tráng sĩ.

Được thoát nợ, chàng theo người bố già sang để tạ ơn, nhưng cô không tiếp kiến.

Rồi mấy hôm sau, người ta thấy ở xóm Học Trò nổi lên những câu về chế nhạo cô Thanh:

*Có kia kén cá chọn canh,
Đem tiền chức rước cái anh lạc loài,
Thực là đáng bực tài giai
Có tài ăn bữa một hai đâm liêu.*

Nhưng cô Thanh vẫn làm cao như không để ý đến, rồi cô cũng đóng cửa hàng không chứa học trò nữa. Cách đó ít lâu, người ta bỗng thấy cô kết duyên với viên lãnh binh Trần Thiện Minh. Thấy cô một bước làm nên quan tể, nhiều người tấm tắc mừng thầm cho cô, nhưng biết đâu đó là một khách anh hùng mà cô đã biết giữa trần ai. Người đó chính là cái “anh lạc loài” các bạn gái đã kể về nói xấu cô. Phải, người đó chính là Trần Thiện Minh một thanh niên học thức rộng nhưng chán ghét cái học cử nghiệp, lại thấy nước nhà đang khi hữu sự; bèn chuyên tâm theo tập võ nghệ rồi được tri ngộ ông Nguyễn Tri Phương mà làm đến chức lãnh binh. Chàng có bài thơ tỏ chí, trong có hai câu:

*Đã quyết thì hài da ngựa bọc,
Màng chi tên họ bằng rồng treo.*

VŨNG VOI GIẦY

Trong thành ngày nay, nhiều nơi trước kia chỉ là bãi cô tịch hoang vu, nhờ sự điểm xuyết của nhân công trở nên thắng cảnh, hàng ngày những tao công mặc khách, giai nhân tài tử lũ lượt kéo nhau đến thưởng ngoạn thực là vui vẻ. Nhất là những buổi gặp phải cái nóng nung người trong mấy tháng hè, người ta lại càng đùn nhau đến để giải nóng và hô hấp cái không khí trong lành mát mẻ, nhất là mấy nơi công viên. Nói đến công viên, trước hết tôi hãy kể vườn hoa Robin hay là vườn hoa Canh Nông.

Sự đến du lãm thắng cảnh ấy đã hầu thành một nhĩ trí của mọi người sau những giờ vì sự sống phải vật lộn trong vòng chật chội hẹp hòi, nếu còn có biết thì giờ lui tới được. Nhưng ta nên biết bọn du khách ấy, có một số đông người chẳng có ý gì với cảnh mà hàng ngày sau khi bóng ác ngậm gương non đoài, đã thập thò lẩn quất ở đấy rồi. Chẳng cần nói, chắc ai cũng biết đó là những giai gái vì yêu nhau, thương nhau đã mượn cảnh đó làm nơi tụ họp để hẹn hò gắn bó cùng nhau.

Những du khách ấy tức là những kẻ đã tự nhận là phái mới và phái đẹp! Trong những lúc họ tự do luyện ái ấy, nếu có người nhắc lại cái bản lai diện mục của nơi thắng cảnh ấy, tất họ không khỏi giật mình kinh hãi, và nghĩ thầm cũng một nơi này xưa kia người ta đã dùng làm pháp trường để kết tội những bạn gái quá tự do như mình đây, lưỡi gươm pháp luật của cái đời lễ giáo quá nghiêm kia thực là độc địa.

Làm sao lại phải sợ hãi thế? Có gì đâu! Chính cái vườn hoa ấy, xưa kia, gọi là “Vũng Tượng” tức là nơi để cho voi tắm, voi quần, mỗi tháng mấy lần do những quản voi dắt đến thả vào đó. Vì vậy đôi khi người ta lại dùng nơi đó để thi hành một hình pháp rất nghiêm khắc, tức là tội voi giày. Kẻ bị tội ấy phải là một dâm phụ đem tình yêu san sẻ cho một tình địch của chồng, vì muốn được tự do yêu nhau đã lập tâm độc ác giết chồng, có đủ chứng cứ, dư luận và pháp luật đều không dung thứ được.

Cái hình pháp thảm khốc ấy ít khi dùng đến. Vì cổ nhân cũng thận trọng việc dụng hình. Chỉ khi nào gặp một dâm phụ có lòng cùng hung cực ác, muốn làm răn cho dân chúng để duy trì lấy phong hóa cổ nhân mới bắt buộc phải thi hành. Theo lời một vị cố lão am hiểu việc cũ nói lại với tôi thì về bản tiền chỉ có một lần thi hành nghiêm hình ấy về đầu đời Tự Đức. Cách hành hình như sau này: người ta đào một cái hố sâu vừa một người ngồi, sau khi đã tuyên bố tội trạng, giám sát quan cho dẫn

dâm phụ bị trói giật cánh khuấy. Mặt bịt khăn trắng bắt ngồi vào trong hố. Rồi hạ lệnh cho quân tượng dắt một con voi đã huấn luyện thông thuộc đến, ra hiệu cho nó lấy chân giày xuống hố cho đến khi dâm phụ bị vụn xương chết đi mới thôi.

Cái án “Gái voi giày” về đời ấy, theo lời thuật rất có thú vị, dù ở trong có điều mê tín cũng xin kể ra đây:

Tại tỉnh Tuyên Quang có một nhà đại phú hiếm hoi chỉ sinh được một con gái lại mắc chứng bạch si, suốt ngày như ngây dại, ít nói hay cười. Nhưng bố mẹ chàng cũng nâng niu quý mến lắm.

Năm chàng mười tuổi, lấy con gái một nhà cường hào làm vợ. Vì bố mẹ chồng nóng lòng muốn có cháu lại lấy luôn cho chàng một cô vợ lẽ. Được hai năm bố mẹ đều chết cả, để lại một cái gia tài rất lớn cho một người con ngây ngô, họ hàng thân thích đều lấy làm lo thay. Nhưng người con dâu lại tỏ vẻ đảm đang, cam quyết xin một tay giữ toàn sản nghiệp cho chồng.

Mấy năm đầu, ai nấy đều khen ngợi người vợ cả là một người nội trợ rất giỏi, ăn nói lại hoạt bát, giao thiệp lại nhã nhặn nên rất được lòng mọi người.

Nhưng được ít lâu, ai nấy không khỏi lấy làm ngờ, vì người chồng xét ra không thể sinh dục được mà người vợ cả lại sinh được một con trai giống hệt như một tên thổ hào trong làng. Đã vậy tên ấy hàng ngày lại công nhiên đi lại, dù trong làng đã có những lời nghị luận thị phi,

mà tên ấy không đếm xỉa đến. Kế đó lại một việc đại biến xảy đến; người chồng không hề bệnh tật gì bỗng thổ huyết mà chết. Ai nấy còn đang bàn tán thì thấy người vợ cả làm đơn khống tở tại tỉnh là người vợ lẽ đánh thuốc độc hại chồng. Thấy một việc bội lý thương luân xảy ra, quan trên liền cho bắt người vợ lẽ giam cầm rồi khép vào tội đem cho voi giày.

Án ấy trình lên quan Tổng đốc Hà Nội. Y như án tỉnh. Tới ngày hành hình viên giám sát cho dẫn người vợ lẽ ngồi xuống hố rồi hạ lệnh cho voi đến giày. Đã tới giây phút nghiêm trọng, ngàn muôn người đứng xem đều chăm chú nhìn, chắc hẳn người vợ lẽ chỉ trong giây phút là tan tành thịt xương. Vậy mà không ngờ, khi quản tượng dắt con voi đến miệng hố, nó nhìn một lúc rồi giật lùi, hai ba lần đều như thế cả. Viên giám sát lấy làm lạ, kịp trình quan Tổng đốc. Quan Tổng đốc lập tức thân ra đến nơi lại cho dắt voi đến, lần này voi không những không chịu giày, lại quỳ hai chân trước xuống mà rống lên mấy tiếng tỏ ý thương xót. Thấy vậy các quan đều cho là án mạng xét nhầm, đã kết người vợ lẽ bị oan chẳng.

Quan Tổng đốc liền hạ lệnh cởi trói cho người vợ lẽ, giải đến trình diện, thấy người vợ lẽ có vẻ hiền hậu, không phải là gái hung ác giết chồng, bèn cho đứng ra một bên, rồi cho đòi người vợ cả đến xét hỏi, thấy nét mặt quý quyết hung ác, chắc án này ở trong có tình tiết éo le gì. Bỗng một sự lạ lùng xảy ra làm cho cả pháp

trường đều huyên não: con voi đang đứng chờ lệnh, bỗng giằng xích chạy đến thò vòi quấn ngay lấy người vợ cả, chạy ra giữa bãi mà tung lên quật xuống hàng chục lần rồi mới bỏ ra, lấy chân giày ngấu nghiến như cắn hận lắm. Viên giám sát và quản tượng thét quát thế nào nó cũng không buông tha cho tới khi người vợ cả chết vụn rồi, nó mới chạy đứng về chỗ cũ.

Mãi về sau, người ta mới khám phá ra chân tướng cái án ấy. Thì ra, chính người vợ cả đã đồng mưu với tên thổ hào giết chết chồng để tự do yêu nhau. Chúng sợ gian tình bại lộ, liền đem tội ác đã làm vu cáo cho người vợ lẽ đó. Tưởng làm thế là được êm chuyện yên thân, ngờ đâu thiên bất dung gian, chính mình lại bị ngay hình phạt thảm khốc ấy. Khi án hình đã rõ, gian phu là tên thổ hào kia cũng bị xử tử. Còn người vợ lẽ được ban khen và được chia đôi một phần tài sản của chồng cũ để làm vốn đi lấy chồng khác.

HỒ XÁC TRÉ

Những cặp nhân ngãi, nhân nghì dù yêu nhau tha thiết nhưng chưa có gan luyện ái tự do, trong cái thì giờ “trốn nhà” thường dắt nhau trên những con đường vắng vẻ, khoác cánh cố níu nhau đi chầm chậm để được cùng nhau tỏ hết niềm thương nỗi nhớ: đó là những đoàn kịch vào lúc đêm khuya vẫn kế tiếp diễn ở trên những ngã đường thông nhau như đường “Ngõ Trạm” mới quặt ra đường trước cửa nhà Tin lành thẳng ra phố Phạm Phú Thứ rồi ra con đường lớn Henri d’Orléans. Tới đó hoặc ngược hoặc xuôi, những cặp ấy lại lộn lại các con đường trước, cứ thế loanh quanh đến mấy vòng, chóng lắm cũng được hàng giờ rồi mới chia tay.

Đẹp đẽ lắm! Vui vẻ lắm! Những ngã đường quanh quẩn ấy có thể gọi là con đường tình ái, mà những lứa đôi dắt nhau qua đó để tìm hạnh phúc về tình yêu.

Nhưng những ai đó nhỉ, phải coi chừng. Đi đêm lắm có ngày gặp ma đấy. Hàng trăm hàng nghìn oan hồn tiểu nhi vô tội phảng phất bay đâu đó. Chúng nó xưa kia, phần nhiều là những kết quả của những cuộc tình

duyên vụng trộm. Bố mẹ nó là “nhân ngãi nhân nghì” cũng như các người bây giờ vậy. Họ yêu nhau không chính đáng và trót sinh ra chúng nó. Nhưng họ không dám nhận làm con, nên đang tay hóa kiếp chúng nó đi. Trong những lúc nhỏ to hò hẹn, nếu các người tinh trí lại trong giây phút, các người sẽ tưởng như thấy có tiếng kêu van đòi mạng của bọn đầu xanh vô tội còn vòng vọng bên tai người.

Thật đấy, những nơi bây giờ có những con đường rộng rãi, kang trang để cho các người hàng đêm tha thướt, nhỏ to chuyện trò ấy, vào khoảng mấy mươi năm về trước là những nơi gì đấy nhỉ? Chính là một nơi rừng rợn gớm ghê, xâm xắm tối không mấy người dám qua lại, có người đã gọi là cái “Hồ xác trẻ”. Từ đằng sau phố Ngõ Trạm cũ, hay gọi đúng tên cũ của nó là phố Hà Trung qua một cái bãi tha ma rậm rạp, rồi đến một cái vũng rất rộng, bên này dọc theo phố Đường Thành, bên kia dọc theo đường xe lửa lên mãi tới khu Cổng đúc bây giờ, đó là “Hồ xác trẻ”. Tuy gọi là hồ nhưng không lấy gì làm sâu lắm, chỉ những khi mưa to mới nổi nước, còn thì cứ xâm xấp quanh năm, vì không có nước, người ta dùng làm nơi chứa các rác bẩn, về sau có thứ bèo Nhật Bản sản sinh, thì vũng ấy lại thành một vũng bèo rất xanh tốt. Trong những rác rưởi chồng đống và những đám bèo xanh tốt ấy, hàng ngày người ta đã phát hiện những cảnh tượng rừng rợn thảm thê, những xác trẻ con bị vùi dập trong đó không mấy ngày là không có. Nhiều khi người ta lại thấy cả những xác người lớn bị ám sát do

hung thủ đã giấu hay quăng bỏ vào đó cho phi tang đi nữa. Những xác trẻ con ấy, một phần là những con nhà nghèo khó sự chôn cất, một phần lớn nữa là do lòng mê tín của những người làm cha mẹ hữu sinh vô dương; những đứa con bị bệnh chết, họ tin rằng nếu chôn cất tử tế thì nó thương tiếc thường hay lộn lại, nên quăng bỏ đi cho thoát nợ. Ngoài ra, ở đó lại còn một số trẻ hoang thai, bởi vì, hồi ấy xã hội ta còn chú trọng lễ giáo cũ, những giai gái vì sự yêu thầm giấu vụng đã gây nên nghiệt chủng, sợ dư luận chỉ trích mong trút ra để tống quái cho êm chuyện. Vì những cố ấy, những cảnh tượng gớm ghê, vô nhân đạo và trái vệ sinh đến như thế đã phơi bày ra ở giữa chốn cố đô. Vì tính cầu thả và lòng ích kỷ của người mình, ai nấy cứ nhắm mắt bỏ qua. Hồ xác trẻ ấy mỗi ngày cứ diễn thêm cảnh rùng rợn ra mãi, nếu không có công cuộc mở mang vài mươi năm trở lại đây. Nhờ thế cái ô điếm ấy đã lâu không còn làm gai mắt những khách quan mỗi khi tới thăm nơi ngàn năm văn vật này.

QUAN HUYỆN THỌ KHÉO XỬ KIỆN

Nhờ vì có cái tên “Ngõ Huyện”, nên hiện chúng ta còn nhận ra được di chỉ huyện lỵ Thọ Xương ngày xưa ở ngay vào khoảng bên cạnh Nhà thờ Lớn, lối sau phố Lagisquet bây giờ. Huyện Thọ Xương cùng với huyện Vĩnh Thuận trước đây là hai huyện cùng vệ cho nơi cố đô này. Vì vậy những viên huyện lệnh được bổ giữ quyền cai trị hai huyện này đều phải là những viên có văn học, có khoa bảng, nhất là phải có tài năng. Chúng cho điều đó, xin nhắc lại một câu chuyện cổ “*quan huyện Thọ khéo xử kiện*” để các bạn được biết các quan chức chăn dân như các quan phủ huyện ngày xưa như thế nào.

Quan huyện này tên là Đỗ Hữu Thanh, đậu cử nhân, khi còn ở nhà, xử lý các việc trong xóm làng đều được dân làng yêu mến. Quan Tổng đốc Hà Nội là ông Hoàng Diệu nghe tiếng ông, liền tâu về triều xin tiến cử là tri huyện Thọ Xương để làm khuôn mẫu cho các viên huyện khác.

Cảm lòng tri ngộ của quan Tổng đốc, ông vui lòng tỵ chức. Trong ba năm giữ quyền cai trị, ông thường

đem các ý khôn khéo làm cho bọn gian ngoan phải khuất lý phục tình, không còn ai bị điều gì oan ức nữa. Vì vậy trong hạt đã ca tụng là “sinh phật”, là “thần quân”.

Trong hạt có một người đàn bà giàu, góa chồng được một đứa con giai đã mười sáu tuổi. Khi chồng còn, trong nhà vẫn nuôi một vị lão Nho dạy con học. Sau khi chồng chết, mẹ phải lòng một tên lái Nghệ. Muốn được gần gũi nhau luôn, mẹ xui tên lái giả xưng là thầy đồ, rồi kiếm cơ từ chối vị lão Nho, đón lái Nghệ về làm gia sư. Từ đó ở cùng một nhà, bà chủ thầy đồ tha hồ vui thú, nhưng cũng không dám công nhiên trò chuyện, vì ngại có đứa con đã khôn lớn, hình như nó đã hơi biết mỗi tình vụng trộm của hai người. Đồ Nghệ thường giả ý cho nó nghỉ học; mẹ chủ cũng mượn tiếng cho con được đi đây đi đó cho khôn người; nhưng nó đã có ý nghĩ không chịu ra khỏi nhà một bước. Nhân dịp thắng, thiên lý vong, mẹ chủ lúc ấy chỉ thấy đồ Nghệ là người đáng yêu, còn đứa con cô khúc ruột rút ra lại coi như cái đanh trước mắt, bèn bàn với đồ Nghệ, buộc tội cho đứa con là ngỗ nghịch không vâng lời dạy bảo, làm đơn cùng lên quan huyện trình.

Quan huyện nhận đơn, nhìn xem nét mặt đồ Nghệ ra người quý quyết, mẹ chủ có vẻ lẳng lơ, lại thấy đôi nhau đều không được đúng đắn, đem lòng ngờ, tạm cho về, hạn ngày đòi cả cậu và chú ruột đứa con cùng đến xét xử.

Đến ngày, trước hết quan cho gọi đồ Nghệ lên hỏi:

- Anh em họ nội, họ ngoại nó đâu cả, không thấy ai đứng tên trong đơn, mà chỉ có thầy cùng mẹ chủ đứng lên thưa nó?

Đồ Nghệ bảm:

- Tôi được bà chủ đón về dạy con, cung đãi rất hậu, nên tôi hết lòng dạy bảo, mong nó nên người, không ngờ nó lại lười biếng, mẹ nó răn bảo nó cãi lại không vâng lời. Thấy con hư, bà chủ tôi đã đi nói với họ hàng nhờ dạy bảo giúp, nhưng chẳng ai để tâm đến, bất đắc dĩ, nên bà ấy phải cùng tôi làm đơn trình lên, mong quan lớn đèn giời xét cho.

Quan huyện nói:

- Được lắm, thầy đối với bà chủ thế đã thực hết lòng.

Đồ Nghệ đắc ý đứng ra bên, vẻ mặt hơn hỏ. Quan cho gọi đứa con trai đến, thấy nó có vẻ hiền lành, quan liền hỏi vì có gì ngỗ nghịch, không vâng lời mẹ dạy. Nó chỉ khóc sụt sùi, nghẹn ngào không nói ra lời, quan huyện giả cách giận dữ quát mắng:

- Bất hiếu tội to, không thể nào dung thứ được. Lính đâu, đánh!

Đứa con kêu khóc thảm thiết, chú và cậu nó xúm lại kêu oan cho nó. Riêng có đồ Nghệ lại ra vẻ tức giận. Quan huyện quay lại bảo hấn:

- Thầy làm thầy đồ, ăn cơm người, dạy con người, hẳn nhớ câu: “Giáo bất nghiêm, sư chi nọa” chứ gì? Vậy để nó ngộ nghịch là lỗi thầy không chịu dạy, lỗi ấy trước hết ta hãy phạt thầy hai chục roi.

Nói xong sai lính nọc đồ Nghệ ra đánh hai chục roi, đồ Nghệ kêu than âm cả công đường, hai mông sưng lên. Quan nói:

- Tội thầy, thầy đã chịu rồi, còn cái tội của nó cũng phải hai chục roi, nhưng nó còn bé không thể gia hình được, thầy là thầy nó cũng phải chịu thay cho nó. Đánh!

Lính lại nọc đồ Nghệ xuống đánh đủ hai chục roi nữa. Trước sau bốn chục roi đòn thịt nát máu dầy. Đồ Nghệ chết ngất đi mấy lần, phải phun nước lã vào mặt mới tỉnh dậy được. Quan cho gọi chú và cậu thẳng bé đến quả trách:

- Bố nó chết đi, chú với cậu cũng như cha, sao không răn dạy nó để nó ngộ nghịch. Mỗi người cũng phải chịu phạt hai mươi roi!

Hai người cùng kêu van:

- Anh chúng tôi mất đi, chúng tôi đã đón thầy đồ Nghệ ở luôn trong nhà để dạy bảo cháu tôi, tức là thầy đồ cũng thay quyền chúng tôi rồi.

Quan liền quay lại bảo đồ Nghệ:

- Thầy đã thay quyền chú và cậu nó, thì cũng phải chịu tội thay cho người ta, mỗi người hai mươi roi cộng là bốn mươi!

Bị đau quá rồi, không thể chịu thêm nữa. Đồ Nghệ nghĩ ra biết là quan huyện đã minh xét được cái tội của mình rồi, nên dùng mưu thâm trùng trị mình đây, nếu không tự thú ngay đi tất bị chết đòn, liền phủ phục dập đầu lạy như đâm tòi và kêu van:

- Bẩm quan lớn, con biết tội rồi, xin sinh phúc cho con, con xin tự thú.

Rồi đồ Nghệ kể hết tội ác của mình. Quan huyện nghe xong, cười hà hà rồi đuổi đồ Nghệ về xứ. Còn mục chủ, ngài quở mắng mấy lời rồi tạm tha cho về trông nom nhà chồng mà nuôi con và cấm không được làm điều ô uế nữa.

VỊ THÂN GỌT GÁY BÔI VÔI

Một tục cũ hay nói đúng hơn là một cách hình phạt để trừng trị những người đàn bà bất chính, dù pháp luật quốc gia không công nhận, nhưng xưa kia trong dân gian vẫn công nhiên thi hành: Gọt gáy bôi vôi.

Đến bây giờ là thời buổi văn minh việc trừng trị kẻ có tội, các nhà pháp luật đều chú trọng về điều giữ nhân đạo, trọng nhân cách: những cách trừng trị nào làm cho người ta bị đau đớn quá, hay khổ nhục quá đều lần lượt bỏ đi. Ngoài ra, những cách trừng trị riêng ở dân gian xét ra có tính cách ấy cũng đều cấm chỉ; những kẻ nào còn tự ý thi hành, pháp luật sẽ can thiệp ngay. Vì vậy trong vài mươi năm nay, hạng “gái ngoan” xem ra sản xuất rất nhiều, mà chẳng thấy nơi nào xảy ra câu chuyện “gọt gáy bôi vôi” nữa. Đó là một bước đường tiến hóa của thời đại và cũng là một bước đường giải phóng cho bạn quần thoa.

Gọt gáy bôi vôi, cái hình phạt quái ác ấy, thời đại đã trừ tai, giải ách cho nữ giới rồi, nhưng hiện nay, người ta vẫn còn nói luôn luôn đến nó mỗi khi mắng mỏ hay trách quở những cô gái nào đã quá tự do.

Nếu tôi xét đoán không lầm, lối hình phạt “gọt gáy bôi vôi” chính đã phát tích ở Hà thành này. Tôi căn cứ vào mấy câu ca dao sau này mà nói như vậy đó:

*Lòng em trong như thạch sạch như gương,
Anh chẳng thương thì chớ, còn mang lòng ngờ.
Nếu em có là quân ngang tắt đi về,
Anh đem ngay xuống miếu “Cậu” em thề cho coi.
Ngay gian em xin “Cậu” xét soi,
Em gian thì “Cậu” gọt gáy bôi vôi em này.*

“Cậu” nào đây? Lại có thần quyền gì mà đối với phụ nữ nghiêm khắc thế? Miếu “Cậu” ở đâu? Chắc hẳn nhiều người cùng muốn biết, dù cái thần quyền “Cậu” ngày nay có linh ứng thế nào chẳng nữa, thời đại cũng chẳng để cho “Cậu” thi hành nữa. Chừng sáu mươi năm trước ai hay lui tới hành hương chùa Bích Lư (trước vườn hoa Hỏa Lò bây giờ) ngay đầu chùa về phía hàng Bông thợ Ruộm, tất đã thấy một tòa miếu nhỏ lợp gianh, tháp bé lụp xụp, tuy hương khói vắng tanh, nhưng người ta đều bảo là thiêng lắm đấy. Mà chỉ thiêng về một việc: những đàn bà có chồng lại ăn ở ra lòng chim dạ cá, dối lừa chồng, san sẻ tình yêu với kẻ khác, tất không được dung tha.

Tục truyền “Cậu” này nguyên là con một nhà quan, gặp hồi sa sút bỏ quê nhà ra Hà Nội tìm nơi ăn học. Tư chất thông minh, học tập rất tấn tới, tập văn tại trường nào cũng nổi tiếng. Tài cao nhưng phận mỏng, mỗi lần đến khoa thi, bạn bè đều chắc cậu tên chiếm bảng vàng,

nhưng luôn ba, bốn khóa câu chỉ được vài kỳ lại trượt vô chuối. Đường công danh đã lận đận, đường nhân duyên cũng lại long đong, vì tướng mạo cậu rất đen xấu, chẳng được các cô răng đen má phấn để vào mắt xanh. Nhiều vị quan sang yêu tài học của cậu, đón về dạy học, định kén làm khách giường đông, nhưng kết cục đều bị các tiểu thư dè bủ, chê bai, cậu đành phải lui ra làm khách qua đường hờ hững. Giữa lúc tuyệt vọng, có một vị hưu quan nhà rất giàu, cho người tìm cậu đến, nói gả cô gái quý và gấp làm lễ kết hôn. Tướng cụ lớn “quá yêu” vì có bụng liên tài, ngờ đâu sau mới biết là cô gái quý của ngài đã “quá ngoan”, duyên “thiên” chưa dô đầu ngược, phận “liều” đã nảy nét ngang... Muốn cho êm thấm mọi chuyện nhà cụ lớn liền gọi cậu vào cho... Biết vậy, nhưng cần chỗ yên thân ăn học cậu cũng tặc lưỡi vâng lời. Nhưng phận cậu vẫn mỏng, đã chịu cái nước ấy, mà cũng chẳng được yên thân, kết cục phẫn uất mà sang bên kia thế giới.

Cậu làm rể mới được năm tháng tròn, thì vợ cậu đã sinh được một đứa con giai. Thương hại cho cậu, đối với đứa bé vừa được cái tiếng là “bố hờ” thì người vợ cũng giở mặt coi cậu là “chồng hờ”, chẳng chút tình ân ái. Vì sau khi sinh nở, trơn lông đỏ da rồi, ngựa lại quen đường cũ. Cái tính lẳng lơ thuốc đầu mà chừa, cô đi ngang về tắt, chẳng còn e lệ sượng sùng. Cậu có đem những điều lẽ nghĩa khuyên răn, thì lại bị chế giễu mỉa mai và ruồng bỏ là khác nữa. Thương cho thân thế, buồn về cảnh ngộ, nỗi riêng chất chứa trong lòng, được ít lâu cậu bị

bệnh nặng. Trong lúc đau ốm, người vợ đã chẳng chăm lo thuốc thang cơm cháo thì chớ, lại công nhiên dắt một công tử mang ngay về nhà, nói thác là bạn cậu đến để thăm non nâng giấc đỡ, thực ra là để tự do yêu dẫu. Được hai hôm người ngoài bỗng nghe một tiếng kêu gào rất to, rồi có tin cậu chết. Có người nói vì cậu phần uất quá đã tự trốn đời về nơi cực lạc, nhưng lại có người nói vì gian phu dâm phụ coi cậu như cái đanh trước mắt, cùng nhau quả quyết nhỏ đi.

Cái đời cậu mờ ám, cái chết của cậu cũng mờ ám, chẳng ai bàn nói mà cũng chẳng ai thương tiếc. Nhưng phải chăng lòng cậu còn giận đời, còn căm đời, hồn cậu chưa đi sang hẳn thế giới khác được, nên sau khi cậu chết được một tháng người ta đã đồn âm là cậu hiển linh.

Số là một đêm người vợ đang cùng gian phu ăn uống và trò chuyện bù khú tại trước giường thờ cậu, bỗng nằm gục xuống mê man bất tỉnh. Một nắm hương đang nghi ngút cháy trong lư, hóa chân cháy bùng lên.

Một nắm tàn đỏ rơi xuống ngay giữa gáy, tóc cháy xèo xèo, gian phu vội vàng dập bỏ và bế nàng lên xem, thì ra cả mảng tóc gáy đã cháy tệt cả rồi. “Chàng” bảo người lấy vôi bôi vào cho khỏi sưng lên, rồi lay gọi mãi “nàng” mới tỉnh. Gian phu xoa xuýt và hỏi tại làm sao, thì người vợ bỗng ra vẻ giận dữ tự chỉ tay vào mặt mà mắng rằng: “Mày khéo che mắt ta làm việc bất chính, ta không thêm bắt tội mày, chỉ gọt gáy bôi vôi để cho đời nhận biết cái mặt mày mà thôi”.

Bấy giờ người vợ mới biết là cậu hiền linh trị tội, từ đó ngày nào cũng khấn vái kêu van xin giữ mình trong sạch. Nhưng dường như cậu quá giận không tha tội, mảng tóc bị cháy không mọc được nữa và cái dấu vôi bôi vào đó cũng không sao cạy rửa cho ra. Vừa thẹn vừa sợ, người vợ từ đó xây riêng một cái miếu thờ ở trong nhà, ngày đêm chăm việc đèn hương, không dám đi đâu, mong được có ngày tha tội. Về sau nhà sa sút khoảng đất về tay người khác, cái miếu thờ ấy trật ra bên ngoài, mới thành nơi lễ bái chung. Theo sự tích, người ta gọi miếu ấy là “Miếu Cậu”.

Đối với “Miếu Cậu” lúc đầu cũng có nhiều người lễ bái, nhưng rồi cứ thưa nhạt dần. Người ta nói “Cậu” chẳng ban phúc ban lộc cho ai bao giờ, chỉ khi nào có ai nghi vợ có ngoại tình, đem lễ đến kêu, hễ người vợ trong sạch thì không sao, nếu là người bất trinh thì tóc gáy tự nhiên rụng hết, chỗ da gáy trắng bạch như vôi. Cứ thế mà tuyên bố tội trạng, dù gái đã có già mồm cũng phải cúi đầu nhận tội. Có lẽ vì sự tích của thần “Cậu” như thế nên về sau những người có vợ ngoại tình theo đó mà thi hành cái hình pháp “gọt gáy bôi vôi” chẳng?

Tới nay đời “Cậu” đã xa, nỗi căm giận của “Cậu” đã hả, cái di tích hiền linh của “Cậu” cũng bị thời gian xí xóa đã lâu rồi; cái hình phạt quái ác kia dù ai muốn khôi phục cũng không thi hành được nữa.

PHÁP TRƯỜNG BÃI GÁO

*Một cấp tiền chục
Mười cấp tiền trăm
Bãi Gáo lão Gầm
Đang chăm lấy vợ
Chị nào nặng nợ
Thì vợ lão đi*

Muộn màng dù có quá thì.

Ế chồng em chịu, Gầm thì xin van.

Đó là mấy ca dao cổ ở Hà thành, đôi khi có người nhắc lại, thoáng nghe cũng nhận ra được cái sắc thái của một thời đại đã qua đáng khiến cho ta nghiên cứu.

Theo lời một vị cố lão thuật lại, lão Gầm là một đao phủ thủ, một hạng người đáng ghê sợ ở bãi Gáo vào khoảng bảy mươi năm về trước.

Bãi Gáo là gì và ở nơi nào?

Đó là một cổ pháp chãng vì sự thay đổi của thời đại, bãi ấy ngày nay không còn dấu vết nữa. Chính phủ ngày

xưa mỗi năm đến kỳ “Thu quyết”¹ lại đem các tử tù ra đó hành hình. Di chỉ của bãi ấy nếu không nhận đúng cũng không sai mấy. Chỉ trong khoảng đất cuối phố Hàng Dẫy, đằng sau ô Cầu Giấy bây giờ. Người ta nói bãi ấy nguyên là một bãi tha ma cỏ lác mọc đầy, ngày thường không mấy ai qua lại. Khi nào người ta kéo hàng trăm, hàng nghìn đến đó tất là những buổi hành hình xử tử người phạm tội. Dao phủ phần nhiều là lão Găm. Bãi ấy có cái tên là bãi Gáo cũng vì người ta đã theo một cái hiện tượng ở đó mà đặt tên cho nó. Nguyên mỗi khi hành hình xong, xác thì đem chôn, còn thủ cấp thì treo lại ở đó trong vài ba ngày để bêu cho công chúng xem, nhất là những năm có loạn, mỗi khi quan quân đi dẹp giặc về, những tướng giặc và quân giặc bắt được đem về tra hỏi xong, kẻ nào xét ra quả là hiếp tông thì được tha, còn những kẻ ngỗ nghịch đều đem xử tử. Vì vậy ở bãi Gáo có ngày xử tử đến hàng chục tên phạm. Theo tục mê tín, những người làm thuật phù thủy, gặp khi có nhiều tử tù bị hành hình, chờ đêm đến, họ mang những khúc chuối giả làm thân hình, những gáo dừa giả làm thủ cấp, chắp vào với nhau, đặt trên bãi, rồi thắp hương khấn vái và

1. Thu Quyết - các đời vua xưa kia đối với việc hình phạt theo một ý nghĩa thận trọng, hành hình các tử tù thường cứ để sang mùa thu là lúc bắt đầu rét lạnh, khí hậu có vẻ túc sái, nghĩa là mùa ấy trời đất đối với sinh vật như có vẻ nghiêm nghị khắc nghiệt thì hành hình vào mùa thu nên gọi là Thu Quyết.

dùng phép thu âm hồn của những người bị xử tử về làm âm binh. Cúng xong, những khúc chuối và gạo dứa họ quăng bỏ cả ở trên bãi. Khúc chuối thối nát đi, còn gạo dứa cứ lặn lông lốc các nơi. Vì vậy người ta gọi bãi ấy là bãi Gáo.

Còn lão Gầm? Lão cũng đáng gọi là một kỳ nhân của một thời đại.

Thân phụ lão là một tay giàu có và có thế lực ở làng Nam Phố, năm ngoài sáu mươi tuổi vẫn chưa có con trai, kêu cầu hết đền nọ phủ kia, mãi mới sinh được lão. Thái già sinh ngọc, ông cụ xiết bao vui mừng, chắc gia thế sẽ nhờ con thêm rạng vẻ. Ngờ đâu điều thực hiện trước nhất lại trái hẳn với cái hy vọng nông nản. Lớn lên lão chẳng chịu học hành, tính khí lại rất hung hãn, từ cha mẹ đến các người nhà hễ có điều gì trái ý, lão liền vác dao đuổi chém, lúc đầu vì quá thương nên quá chiều, hãy ẩn nhẫn sẽ liệu lời răn dạy. Nhưng tính hung hãn của lão hình như là một tính thiên thành, một hiện tượng quả báo. Người ta kể chuyện rằng có một lần ông bố nhân ngồi vui mượn chuyện khuyên răn, lão đề sấn ngay xuống, bóp cổ, cầm dao lăm le dọa mổ hầu, nếu không có nhiều người cứu đỡ can ngăn. Sau đó, ông cụ đã thấy rõ cậu “quý tử” quả không phải là cái phúc của gia đình, chẳng thể tiếc thương, làm đơn trình quan nói rõ tội ác và xin từ bỏ.

Về việc ông cụ suýt bị con giai bóp cổ mổ hầu, ai cũng phân nản là một đại biến trong gia đình, nhưng cũng nhiều kẻ biến sự khéo tò mò kết luận đó là một sự ác giả ác báo. Nguyên cách làm giàu của ông cụ, người ta đều bảo là chính ông đã bóp cổ mổ hầu nhiều người trong bao nhiêu năm gom góp lại. Thì ra ông vốn làm chức cai kho, giữ việc kiểm điểm những tiền thóc của dân các xã mỗi khi dâng trường. Ông khéo bớt số xoay xóa thế nào, trong mấy năm đã có thóc hàng quây, tiền hàng đồng. Đã giàu ông vẫn xoay, những tiền quan, thóc thúng của các xã lúc đem đổ đã đếm đủ hẵn hoi, sau khi ông kiểm điểm rồi, xã nào cũng bị thiếu. Tiền thóc thuế nào phải chuyện chơi, nếu không lo gấp cho đủ số bù vào, tất bị tù tội. Muốn cho ổn chuyện, lại phải làm giấy vay của ông, lãi nặng thế nào cũng phải nhắm mắt chịu. Đi đêm lăm có ngày gặp ma, ngón xoay xóa của ông đã đến tai quan trên, ông bị bãi chức về nhà nhưng cũng đã giàu có lắm.

Sống trên đồng của, đời ông kẻ đã hả hê nếu tới lúc tuổi già, không gặp phải đứa con ngỗ nghịch. Giữa đời lễ giáo còn thịnh, cương thường là điều phải giữ của mọi người, ông chẳng thể còn thương tiếc đứa con kia được, phải đem tù, các nhà cầm cân pháp luật, vì lễ bảo tồn phong hóa, thấy vậy cũng chẳng thể làm ngơ, liền hạ lệnh bắt giam và kế nghị 5 năm tội đồ.

Hết hạn được tha về bố mẹ đều đã quy tiên, nhà đất cũng về tay người khác, lão Gầm từ đó lăm vào cảnh trên

không chằng dưới không rề. Sóng cái đời du dăng nay đó mai đây. Chỉ tro hai bàn tay trắng, không kế mưu sinh, lại có tính hung hãn không mấy ai dám gần, chắc Gầm sẽ chết đói. Trái lại, tính hung hãn ấy lại là cái mồi mà Gầm dùng để kiếm cơm no rượu say suốt đời, có khi lại kiếm được tiền chục tiền trăm nữa. Hàng ngày, bọn du dăng ở các phố vì ghen ghét tranh giành nhau thi nhau đón Gầm làm vây cánh, Gầm vào với bọn nào bọn ấy sẽ có thế lực ngay. Vì vậy, Gầm chẳng làm gì mà lúc nào cũng được no đủ, đã vậy mỗi năm đến kỳ thu quyết lại là dịp phát tài của Gầm, mỗi khi có xử quyết tử tù, người ta lại phải dùng Gầm làm đao phủ. Gầm hình như đã mất hẳn nhân tính, nhất là lại uống hàng chục bát rượu, chém người cứ như chém chuối không chút gớm tay. Gầm lại làm ra có điệu bộ, quần áo gọn gàng, thắt lưng bó que, mặt đỏ như gấc chín, tay cầm đao đứng nghe hiệu lệnh của quan giám sát. Sau mấy tiếng trống thì thùng của người chấp hiệu như đầy lòng sợ hãi xót thương đánh không nên tiếng, Gầm dạ một tiếng đồng dạc rồi giơ đao lên múa một hồi mà Gầm nói đó là bài ở “nhập thủy trúc long”. Múa hết bài, một tiếng chiêng hi li rầu rĩ điểm theo Gầm lại đáp bằng một tiếng dạ đình tai, rồi nhảy phát lại, đứng bên tử tù. Lúc ấy ai nấy đều nhắm mắt lại không dám trông, giây lâu hé mắt ra thì Gầm đã làm xong công việc, đang cầm ngang thanh đao... Tay đao của Gầm rất đúng và nhanh, mỗi khi hành hình, một tử tù chỉ một nhát là xong, không lần

nào phải hai nhất. Vì vậy, các nhà đương cục phải chuyên dùng hần, đã định giá cứ mỗi thủ cấp được đền công mười quan tiền. Gặp khi đảng giặc nào bị hành hình, có tới hàng chục thủ cấp, cũng chỉ một tay hần, thế là hần được tiền trăm. Ngoài số ấy ra, có khi Gầm còn được bổng ngoại nữa. Thường có thân nhân các tử tù, muốn cho được chết ngay không bị đau đớn, tới đút lót Gầm, xin làm chóng vánh cho.

Gầm có nhiều tiền, chẳng chịu nổi cái cảnh hiu quạnh một mình, cũng muốn lấy vợ. Nhưng nghĩ đến cái tay Gầm, cô nào dù có tham tài đến đâu cũng phải sợ hết vía mà lảng xa, như đã tỏ ra bằng mấy câu ca dao ngộ nghĩnh đó. Thế là Gầm đành sống cô độc suốt đời. Tới năm tuổi ngoại năm mươi, người ta thấy Gầm vào giữ cửa cho một ngôi chùa, miệng lẩm bẩm luôn như chăm chú niệm Phật. Ý hần Gầm cũng có lòng sám hối chăng?

GIẢI NGÕ TRẠM, GÁI TẠM THƯƠNG

Biểu diện của thành phố Hà Nội ngày nay đã thay đổi khác xưa nhiều. Nhưng cũng còn mấy nơi, cái bản lai diện mục vẫn phảng phất ở trước mặt mọi người, đúng như tên gọi của nó: phố Ngõ Trạm và ngõ Tạm Thương.

Ngõ Trạm tức là phố Hà Trung vì theo bản đồ Hà Nội ngày xưa, phố Hà Trung ở vào chính giữa - bốn, năm mươi năm về trước chỉ là một cái ngõ hẹp. Người ta dùng làm lối tắt cho các ngả vào thành và từ trong thành đi ra bên ngoài. Ngõ ấy có một cái nhà trạm, nhận các công văn ở trong tỉnh chuyển đệ đi các nơi. Cái nhà ấy ở vào giữa phố. Chừng bốn mươi năm trước từ phía Hàng Da đi xuống, ai qua phố ấy, thường vẫn thấy về bên tay phải, một cái nhà một tầng chật hẹp và lụp xụp, bên ngoài che màn màn. Đó tức là nhà trạm, tới nay vì người ở đông, người ta đã thay đổi mất hẳn cái di chỉ của nhà ấy rồi. Tại nhà trạm ấy có một viên dịch thừa trông nom, dưới quyền có những lính trạm để sai phái.

Những lính trạm ấy hầu thành một hạng người đặc biệt trong xã hội, do người ta đã lấy những kẻ táo tợn,

phũ phàng sung vào. Chúng ở rải rác khắp trong ngõ, hàng ngày đến nhà trạm một lần để chờ có việc sai phái. Kẻ nào được việc ra đi, trên đầu có đội một chiếc nón dẫu sơn, chóp nón thường cắm lông đuôi gà, quần áo thường mặc như lính lệ, ngấn đến đầu gối. Còn những kẻ không có việc sai đi, thì lại quần tam tụ ngũ ở các nhà chuyên việc cờ bạc bóc lột nhau, hay thuốc xái hút xách cùng bàn tán những chuyện nhảm nhí. Vì công việc hàng ngày ấy đã gây cho chúng một cái huy hiệu chung là “giai Ngõ Trạm” khiến cho những người lương thiện ban đêm qua lại ngõ ấy thường phải lưu ý đề phòng.

*

* *

Đối lại với “giai Ngõ Trạm”, một sự phối ngẫu tự nhiên dường như xếp sẵn “gái Tạm Thương”. Bây giờ người ta còn nhìn thấy ở trong những câu ca dao cái tình thần ngõ ấy, đại để như câu này:

Em là con gái Tạm Thương,

Dù không cày cấy, lương vàng cũng có một đôi quây.

Ghét cho miệng thế đặt bày,

Moi gan móc ruột khéo lựa điều này tiếng kia.

Đó là lời các cô gái Tạm Thương muốn mình oan vì người ta đã buộc cho những tiếng ác, để chực kiếm lấy tám chồng đây. Nhưng thế gian chẳng ít thì nhiều, không dung ai có đặt điều cho ai. Bởi vậy, các cô dù muốn cãi thế nào, kết cục cái đức ông chồng của các cô,

ngoài “các giai Ngô Trạm” ra, ít có người được vừa đòi phải lúa. Thì đây, ta hãy nghe câu ca dao này:

*Anh giai Ngô Trạm phải hèn,
Phường trên ngô dưới biết tên những ngày,
Duyên lành chấp mối đấy đây,
Tạm Thương cô Choắt một tay chẳng vừa
Sớm cùng phận đẹp duyên ưa
Ông Tư bà Nguyệt dắt đưa nên gân.*

“Giai Ngô Trạm” ở trên đã nói rõ. Còn gái Tạm Thương là hạng người thế nào? Trước hết, tôi hãy xin giới thiệu về nơi đất quý đã sinh ra hạng “gái quý” ấy.

Các bạn đã biết, về phía đầu phố Hàng Bông bây giờ, có một cái ngô hẹp thông sang phố Hàng Mành, người ta vẫn gọi là ngô Tạm Thương.

Dù chỉ là một cái ngô hẹp, nhưng cái tên gọi của nó rất có giá trị về quốc cố. Tạm Thương nghĩa là một kho tạm. Nguyên chính phủ ngày xưa, hàng năm lấy thuế của dân cả tiền lẫn thóc. Dân đem tiền và thóc lên tỉnh nộp, gọi là “đăng trường”. Việc nộp ấy rất phiền phức. Nhất là thóc lúa, còn phải do viên giám ty, tức gọi là viên thủ kho, xem xét kỹ càng thóc tốt hay xấu. Thóc của dân xã nào chưa được đăng trường ngay, phải đem quyền trừ vào các tạm thương trong ít ngày. Vì nơi ấy có mấy cái tạm thương, nên mới xuất sản một hạng gái đặc biệt.

Nguyên công việc xúc thóc, đổ thóc trong các tạm thương ấy, phần nhiều là đàn bà, con gái làm cả. Chúng

nhân việc ấy mà sinh mối tác tệ để cầu lợi riêng. Chúng thi nhau cấp nẩy, bớt xơ số thóc của các làng. Có khi chúng lấy cấp quá nhiều, lại đem trấu trộn vào nữa. Vì sự làm bậy ấy tới ngày đem thóc đăng trường, không mấy làng còn giữ được nguyên số như khi mang ký tạm. Các lý dịch phải vội vàng đi vay thóc ngoài để bù cho đủ. Gọi là thóc ngoài, phần nhiều lại là thóc của chúng đã lấy cấp được đem ra. Trong lúc khẩn cấp, bị chúng bắt chẹt, lờ lãi nặng đến thế nào cũng phải cắn răng mà chịu. Còn dân xã nào bị chúng làm bậy mà thóc có nhiều trấu lẫn vào thì bị quở phạt, đánh đập rất khổ sở. Rồi lại phải vay của chúng để bù vào số thiếu, sau khi viên giám thị đã sai đem quạt sạch những trấu lẫn trong đó đi.

Bọn gái làm ở các tạm thương ấy, có tiếng nanh nọc nhất là thị Choắt, không ai dám dây. Ngoài công việc làm ở các tạm thương chúng còn làm những việc oái oăm như đánh nhau, chửi nhau thuê nữa. Đối địch được với chúng, chỉ có giai “Ngõ Trạm”.

MỒ CHÚ PHẦN

Hồ Hoàn Kiếm, chẳng những ngày nay mới trở nên một thắng cảnh do sức điểm xuyết của nhân công. Từ khi các triều vua đóng đô ở đây, vì có cái vẻ đẹp thiên nhiên, tự nó đã có một vị trí rất quan trọng về quốc cố và tôn giáo. Về quốc cố thì trước kia, nó đã được cái tên rất anh dũng là Thủy quân hồ (các đời chúa Trịnh thường dùng làm nơi luyện tập quân). Còn về tôn giáo, ngoài ngôi đền thờ Văn Xương đế quân ở ngay hòn Ngọc Sơn chính giữa hồ, trước đây, từ phía trên đi xuống, về bên tả ngạn hồ, hai tòa danh lam rất đồ sộ nguy nga, chiếm một phạm vi rất rộng làm cho hồ thêm vẻ mỹ quan.

Hai tòa danh lam ấy tức là chùa Tàu và chùa Quan Thượng, di chỉ của hai chùa ấy ngày nay đã mất hẳn không còn gì nữa.

Chùa Tàu là một ngôi chùa của các Hoa kiều lập ra, ở vào khu tòa Đốc lý và sở Kho bạc trung ương bây giờ. Khi chính phủ bảo hộ mới bắt đầu tổ chức cơ quan quản trị thành phố, lập ra tòa Nam chính, có cử một viên nam quan gọi là Hiệp lý. Tòa Hiệp lý, lúc ấy chưa có nơi riêng,

tạm đặt ở chùa Tàu. Viên Hiệp lý đầu tiên là ông họ Bùi. Ông này có tính gàn và hách vật, thường làm lắm sự ngang chướng. Một hôm, có viên thiên hộ Đỗ Xuân Mỗ đến khai trình việc gì đó, không chịu trút bỏ giày để ngoài, cứ tự do lẹp kẹp đi vào. Quan Hiệp lý Bùi liền nổi trận lôi đình, quở trách là vô lễ với thượng quan, sai lính nọc đánh ba mươi roi, rồi còn đe cách chức nữa. Viên thiên hộ, đứng trước cái oai quyền áp chế của kẻ làm trên mình, đành chịu cúi đầu đo đất, sau về phát đơn kiện mãi. Và cho cái chức Thiên hộ cũng chẳng vẻ vang gì, ông liền từ bỏ, quay về nối lại nghiệp nhà, quyết định tên chiếm bảng vàng rồi cũng vông lọng như ai cho bõ hờn, nếu lại có phen báo thù rửa nhục được. Nhưng chí ông dù to, mà tài ông có hạn, kết cục ông chỉ kiếm được cái “nãi đít” đổi được cái tên ông “Thiên” mà thôi.

Cũng vì sự lạm quyền của viên Hiệp lý kia, sau xét ra chức ấy cũng không bổ ích gì cho cuộc hợp tác, chính phủ liền bỏ đi.

Đó là một câu chuyện buồn cười, mỗi khi nhắc đến, người ta lại nhớ đến tàn cục của chùa Tàu.

Tập *Long Thành dật sử* của một cố lão, lại có một thiên giai thoại về ngôi chùa ấy, tức là “mồ chú Phần”.

Hồi chùa ấy hương hỏa còn thịnh, mỗi khi khách thập phương vào văn cảnh, thường trông thấy ở góc vườn trước cửa chùa, một khoảng đất rộng bằng cái nia con, cỏ mọc um tùm, giữa có nắm đất đắp cao lên như cái đẩu. Theo lời nhà chùa thì đó là mồ chú Phần.

Chú này người Quảng Đông, sang An Nam buôn bán từ hồi nào không rõ. Chỉ biết lúc đầu, chú làm đủ các việc, đến cả cái việc nhặt phân để bán cho các nhà làm ruộng, chú cũng không từ. Vì vậy, người ta mới gọi tên theo nghề làm: chú Phấn. Do sự chăm chỉ làm việc ấy, chẳng bao lâu chú đã trở nên một tay giàu có bạc vạn.

Về cách làm giàu của chú Phấn, chú chẳng hề giấu giếm gì. Chú lại thường nói sự làm nên giàu có tiền ngàn bạc muôn, người đời vẫn cho là khó khăn, riêng chú coi rất dễ dàng, nếu ai cũng chịu khó làm như chú. Có người hỏi cách làm thế nào. Chẳng e lệ, gương gương, chú đáp ngay bằng một giọng thực thà: “Có gì lạ đâu, cứ bỏ phất những cái mà người đời vẫn cho là những đức tốt, tức là *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín* mà làm công việc của mình, rồi giàu có ngay. Vì những cái ấy rất tổn hại đến đồng tiền và ngăn trở cho sự làm tiền rất lớn. Dù có bị đời đàm tiếu, thóa mạ cũng không cần, vì mục đích của mình là lấy tiền chứ không phải lấy tiếng”.

Theo phương pháp ấy, chú Phấn lại diễn một cách kỹ càng rằng: “*Nhân* là lòng thương người. Thương người tất phải cứu, mà trong đời này, biết bao nhiêu người cùng khổ, chỉ cứu được một số rất ít đã tổn hại một số tiền lớn rồi. Tôi chẳng cần cái tiếng “*nhân*” chẳng hề cứu giúp ai, suốt đời không mất một đồng xu nhỏ. *Nghĩa* là sự giúp người. Thường thấy có người nghĩa hiệp, lắm khi đến khuynh gia bại sản. Còn tôi, gặp việc gì cốt có lợi đã, nếu có lợi thì vô nghĩa cũng cứ làm. *Lễ* là sự vãng lai thù ứng, đầu đảo bảo lý là một sự

phiên. Riêng tôi, có ai cho tôi, chứ tôi không cho ai bao giờ cả. *Trí* là khôn ngoan. Ở đời, khôn ngoan lắm phải nghĩ ngợi nhiều. Tôi chỉ gặp sao làm vậy, cứ giả ngây giả đĩc mà nhiều khi ăn người. *Tín* là giữ lời hứa, vô ích lắm. Nếu gặp việc gì chắc kiếm được lợi thì cứ nhận liêu hứa hã, cốt câu được đồng tiền vào bọc mình, rồi nuốt lời; võ trắng không ngưng ngưng. Bỏ được năm cái ấy, rồi lại bỏ luôn cả liêm sỉ nữa; cứ thế mà làm ăn buôn bán cái giàu trăm vạn làm nên thực dễ như trở bàn tay.

Nói thế nào, là được thế. Quả nhiên chú Phấn có được cái giàu mà người đời chẳng ai làm nổi. Tuy vậy, tới lúc cuối cùng là lúc sắp từ giã cõi đời, chú bị vợ con ép làm một việc trái với ý nguyện là bỏ một món tiền cúng vào chùa Tàu để ký táng năm xương tàn, hồng nhờ Phật độ. Chú Phấn cũng không chịu, kêu phí quá. Trước khi nhắm mắt, chú còn làm được chúc thư! Chỉ mua một miếng đất vừa vụn vùi năm xương tàn. Trên mồ không được bỏ đất không, phải giống những thứ rau, thứ cây gì có thể hàng năm bán được tiền để làm hương đăng trong những ngày kỵ lạp chú, chứ không được tiêu lạm vào số tiền huyết hãn của chú đã làm.

Thế ra chú Phấn định giữ cái giàu trăm vạn do chú đã chẳng quản miệng đời đàm tiếu, thóa mạ mà làm nên được đó và lâu dài. Ngờ đâu nó cũng chỉ là đám phù vân bị tan tác ngay trước khi ngôi chùa Tàu và năm mồ của chú bị đào, bị dỡ giữa một cuộc đời dâu bể đổi thay.

CÔ HÀNG HƯƠNG TRƯỚC CHÙA QUAN THƯỢNG

Cũng như chùa Tàu, trên tả ngạn Hồ Hoàn Kiếm, chùa Quan Thượng nay cũng không còn di chỉ nữa.

Bốn năm mươi năm về trước, chùa này tên chữ gọi là chùa Báo Ân, do quan Thượng Giai làm ra, nên gọi là chùa Quan Thượng. Cụ Nguyễn Đăng Giai là một vị đại thần về đời Minh Mạng, Thiệu Trị. Khi còn làm quan ngoài, ở tỉnh nào cụ cũng chăm dựng chùa chiền. Chùa Báo Ân này làm ra khi cụ giữ chức Tổng đốc Hà Nội. Vì sự hay làm chùa, cụ đã bị sĩ phu hồi ấy công kích. Có người làm thơ chế giễu, tới nay hãy còn hai câu truyền tụng:

*Phúc đức gì mày bố đĩ Giai,
Làm cho tổn Bắc lại hao Đoài.*

Tuy di chỉ chùa ấy không còn, nhưng may lại còn được một dấu vết, tức là cây tháp Hòa Phong mà nhiều người nhận lầm là tháp Báo Thiên, đứng chắn giữa hè đường Francis Garnier, trước tượng Bon Be bây giờ. Vậy

tháp ấy, ngày xưa tức là cây tháp lớn đứng ngay giữa lối đi vào chùa Quan Thượng. Vị trí chùa ấy chiếm cả một khu rộng từ nhà Dây thép lớn lên mãi nhà Địa ốc ngân hàng. Cửa giữa ở ngay chỗ cây tháp lớn đi vào. Còn nhớ bốn mươi năm về trước, sau khi toàn thể ngôi chùa đã bị phá dỡ, còn trơ lại cái cổng, bên trên có bốn chữ: “Phương tiện pháp môn”.

Hàng năm, đến ngày hội 14 Juillet, già trẻ gái gái vẫn xúm nhau lại đó để chờ xem cuộc diễu binh.

Về lịch sử, chùa này cũng không có gì đáng kể, vì chưa phải là một nơi cổ xưa. Nhưng theo tập *Long Thành dật sử*, chùa đó có một câu chuyện nghe cũng hay hay.

Vào khoảng niên hiệu Tự Đức thứ XXV-XXVI có một thiếu nữ không rõ quê quán ở đâu, nhan sắc rất xinh đẹp, theo bà mẹ già đến mở một ngôi hàng hàng hương trước cửa chùa. Nghe tin các vương tôn công tử nhất là học trò các trường hàng ngày lũ lượt kéo nhau đến, mượn tiếng mua hương vào lễ Phật, thực ra để nhìn cho rõ cái vẻ mày ngài mắt phượng của cô. Nhưng cô giữ vẻ rất nghiêm nghị không hề nói cười lơ lả cùng ai. Đôi khi có cậu nào muốn gỡ thói bỡm xồm, đến gần lại thấy e nể mà phải thôi. Nhiều cậu con nhà quý phái, lấy thế cha chú, cậy vị trụ trì trong chùa ấy đánh tiếng cầu hôn, cô đều từ chối và phát nguyện xin ở vậy thờ mẹ trọn đời, khi nào bà mẹ châu giời cô sẽ xuất gia đầu Phật.

Một hôm có một ông Nghè mới đỗ, còn ít tuổi, lại chưa có vợ, cho là cô ả có ý muốn kén chồng vì chưa gặp người xứng đôi, nên cô ả từ chối, nếu gặp được bậc tài tử như mình, tất ả sẽ xiêu lòng ngay.

Nghĩ vậy, rồi lấy làm đắc ý lắm, cậu Nghè liền rảo bước đi đến chùa, giả vờ hỏi mua vàng hương, rồi lân la hỏi chuyện:

- Cụ ở đây chỉ có hai mẹ con, công việc nặng nhọc, lấy ai đỡ đần?

Bấy giờ thiếu nữ đi vào trong nhà, cậu Nghè lại hỏi:

- Cô em nhà năm nay xuân xanh bao nhiêu?

- Em nó mới mười bảy tuổi.

- Cô đã có chồng chưa?

- Già này hiếm hoi, chỉ sinh có mình nó, phải để hầu hạ, không muốn gả chồng.

Nghe bà cụ nói, có vẻ thất vọng, cậu sững sốt hỏi:

- Con gái phải gả chồng, cụ giữ mãi được ư?

Cô ả ở trong nhìn ra, nói to bảo mẹ:

- Người ta hỏi lời thôi không tốt. Mẹ đáp lại nhiều lời làm chi?

Bà cụ đáp:

- Con sao hẹp lượng, mặc cho người ta nói, điều đáng nghe thì nghe, bằng không thì để ngoài tai, có hề chi!

Cậu Nghè liền tự xưng mình là vị Tiến sĩ tân khoa, lại đương kén vợ, có ý làm cho mẹ con cô ả phải hám mình. Bà cụ làm bộ ngỡ ngác, hỏi:

- Tiến sĩ là gì nhỉ?

- Cụ không biết à? Học giỏi đỗ Tiến sĩ, tên chiếm bảng vàng, được bổ làm quan lớn, lương vua lộc nước, hưởng phúc giàu sang.

Bà cụ lại hỏi:

- Cả nước này chỉ có một mình cậu là Tiến sĩ à?

- Trước tôi, đã có nhiều người đậu và vừa rồi, lại có mấy người cùng đậu với tôi.

Thiếu nữ phì cười:

- Ngõ là chỉ có một mình cậu đỗ mới quý, chẳng hóa ra lại có hàng đàn hàng lũ như thế thì còn gì quý nữa mà khoe khoang.

Bà cụ mắng át cô ả:

- Trẻ con, biết gì mà dám nói hỗn!

Cô ả mỉm cười, bỏ đi vào trong nhà. Cậu Nghè đứng ngẩn một lúc, nhưng không chịu thất vọng, liền lấy ra một gói, đưa cho bà cụ:

- Nếu cụ có lòng thương yêu, tiểu sinh xin có chút này làm tin.

Bà cụ cầm lấy, ngắm nghía hồi lâu, rồi mỉm cười:

- Cái gì thế này?

- Thưa cụ, đó là lạng vàng, là thứ rất quý ở trên đời này, đem tiêu dùng sẽ được sung sướng.

- Mẹ con tôi ở đây nương nhờ bóng Phật, cũng đủ lần hồi nuôi nhau, chẳng cần gì đến vàng bạc. Xin nộp lại quan Nghè để ngài ăn tiêu cho được thêm sang trọng.

Nói xong quăng giã. Bẽ mặt, cậu Nghè lủi thủi ra ngoài còn nghe vọng bên chùa có tiếng đưa ra nhiec mắng:

- Đồ tặc tử! Người đâu mà tuyệt không một chút gì văn nhã, chỉ đem danh lợi để cám dỗ người thôi!

Thất vọng sinh căm hờn, cậu Nghè định lập tâm hãm hại cho bõ ghét. Sáng hôm sau, cùng mấy bạn thân lại đến, thì mẹ con cô ả đã dọn đi đâu rồi. Từ đó, cũng không ai gặp mặt nữa.

CÔ THẤY TƯỚNG TRƯỚC VĂN MIẾU

Một nơi cổ tích ở giữa cố đô này, hơn tám trăm năm nay, dù thay đổi bao nhiêu triều đại, vẫn giữ được hoàn toàn, đó tức là Văn Miếu thờ đức Khổng Tử, mà dân Hà Nội thường gọi là nhà Giám.

Nhà Giám, nguyên các triều vua trước vẫn dùng để dạy các thái học sinh hay các cống sĩ để kén lấy nhân tài. Đến bản triều, vua Gia Long dời kinh đô vào Phú Xuân, tức là thành Huế (Thuận Hóa) bây giờ, lập riêng nhà Quốc tử giám ở trong đó. Văn Miếu Hà Nội, cũng như Văn Miếu các tỉnh, chỉ để làm nơi thờ cúng. Tuy thế, các quan địa phương vẫn dùng nhà Giám làm nơi khảo hạch sĩ tử hàng năm, hay bình văn hàng tháng, do viên học quan trong tỉnh chọn lọc các quyển văn ưu bình của các tay danh sĩ.

Ở vào thời đại sùng thượng lối học khoa cử, những kỳ khảo hạch và bình văn ở Văn Miếu như thế có thể gọi là những buổi thăng hội đã hấp dẫn hàng ngàn các cậu, các ông áo chùng, khăn đóng. Chẳng những chỉ có hạng

học trò, cái sức hấp dẫn tự nhiên trong những buổi thăm hội ấy, lại còn lôi kéo một số đông các tiểu thư, vì có cái ý nghĩ “chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ” cũng mượn tiếng mở hàng bán bút giấy, sách vở hay bánh trái, hoa quả, đem con mắt tinh đời, thăm kén bạn trăm năm.

Cái ước vọng ấy, đến cả các cô thôn nữ mộc mạc quê mùa cũng sốt sắng lắm:

*Yếm trắng mà vãi nước hồ,
Vãi đi vãi lại, anh đồ yêu đương.*

Đến những ngày ấy, các cô cũng làm dáng làm đờm cho ra mẽ con gái, đến đó mà ngấm mà nhìn. Biết đâu duyên may phận đẹp, chẳng hẹn mà nên hễ được một anh đồ yêu đương, cái mộng tưởng ngựa anh đi trước, vông nàng theo sau sẽ có ngày thành sự thực. Trong bọn các ả, các cô ấy, riêng có một cô lại có cách kén chọn khác thường, dùng thuật xem tướng để tìm người hợp ý. Đó là cô Sáu Liễu, một tài nữ đã từng nổi tiếng ở cố đô này. Thân phụ cô là người Đàng Trong, ra làm quan ngoài Bắc này đã lâu năm, lập nghiệp luôn ở Hà Nội, không về nữa. Cô nhờ có gia giáo, theo anh em học tập làm được văn thơ, nhiều câu xuất sắc lại chuyển xem sách tướng, quyết đoán các việc họa phúc cho nhiều người đều đúng cả.

Năm cô mười sáu xuân xanh, vì nhiều người dạm

hỏi, bà mẹ muốn lo tính việc trăm năm cho cô, thì thân phụ cô tạ thế. Tới khi đoạn tang, cô vừa mười tám tuổi, bà mẹ lại nhắc đến.

Cô giả nhời một cách ngay thật:

- Thưa mẹ, tướng con bạc lắm, không hợp giữ ngôi chủ phụ nhà người ta. Nếu mẹ thực lòng thương yêu con, chỉ nên chọn nơi nào tử tế cho con làm lẽ mà thôi.

Bà mẹ thấy thuật xem tướng của cô nói mười không sai một, nên cũng tin và nghe lời. Cô bèn bàn với mẹ lập một ngôi hàng bán giấy bút trên bờ Vân Hồ trước Văn Miếu, để cô được tự xem xét những văn nhân hàng ngày lũ lượt ra vào. Bà mẹ cũng chiều lòng. Nhưng ngót một năm giờ, chẳng một người nào được cô để lọt mắt xanh.

Tú tài Phạm Kim Dung, một danh sĩ ở tỉnh Đông, vì mến đất ngàn năm văn vật mượn tiếng đến tập văn tại trường quan Đốc học Hà Nội để kết giao với các danh sĩ trong tỉnh, nghe tiếng cô Sáu Liễu, đánh bạo đến cầu hôn. Sau khi thấy Tú đã ra về, bà mẹ hỏi ý, cô nói ngay:

- Người ấy mới đáng là chồng con.

Bà mẹ lại hỏi:

- Con tinh thuật xem tướng, lại từng xem xét kỹ càng, nay con chám lấy người ấy, chắc là có quý tướng gì đó hẳn?

Cô thở dài:

- Thưa mẹ, con xem người ấy khí thanh cốt tú, khác hẳn với những phường dung tục tầm thường, sẽ có một thanh danh cao quý. Nhưng theo sách tướng: “Thanh quá thì bạc, tốt quá thì lồi”, e chàng chẳng được sống lâu.

Bà mẹ ngạc nhiên, hỏi:

- Người ấy đã không sống lâu thì con còn định lấy làm gì?

Cô rầu nét mặt đáp:

- Thưa mẹ, hôm qua con cầm gương tự soi, giật mình nhận thấy nét mặt con hiện hẳn ra hai vè: “Liểu mi xâm nguyệt, lê áp thiêm oa”, nghĩa là đôi mày cau có, đôi mép thêm răn. Theo sách tướng, đàn bà trên mặt có hai vè ấy, sau ba năm tất phải góa chồng. Và xem tướng chàng ta, năm Dần sẽ đại bất lợi. Tính ra cũng vừa hợp cái năm bất lợi của con. Đó là nhân duyên ngắn ngủi, đôi bên gặp nhau, nếu trái tất chẳng lành. Xin mẹ cũng rầu lòng cho con được nghe theo số mệnh.

Tú Dung bấy giờ mới có hai năm tuổi. Sau khi được cô ưng ý, liền định ngày cưới làm vợ lẽ, và ở luôn tại đó, cùng cô thờ phụng mẹ già.

Một hôm, vợ chồng cùng ngồi nói chuyện trong thư phòng, thầy Tú chỉ bức tranh “Thiên biên cô nhan” treo ở trên tường, ép cô vịnh bài thơ.

Từ chối mãi không được, cô ngâm rằng:

*Bên gò xa thăm tí ngàn mây,
Buồn tẻ lẻ loi kìa nhan bay,*

*Võ cánh tìm đàn không biết mối,
Nào đâu nam bắc với đông tây.*

Mấy vắn ngâm vịnh ngẫu nhiên ấy, nào hay lại là một bài thơ sấm báo trước cái kết cục của đời cô. Vợ chồng sum họp được ba năm, thấy Tú có việc phải trở về quê lo liệu. Từ hôm chồng vắng, cô ra sức làm các việc trong nhà cho khuây khỏa nỗi lòng, chẳng thiết gì đến sự trang điểm nữa. Được hơn một tháng, cô mới cầm đến gương soi. Nhìn xem khí sắc, cô bỗng rút bỏ gương, vừa khóc vừa nói với mẹ:

- Thôi, chồng con chết rồi! Chồng con chết rồi!

Bà mẹ vội nói gạt đi:

- Con đừng nói gở. Chồng con từ hôm về đến nay, đã có giấy má gì gửi lên nói là đau yếu đâu mà dám nói quyết là đã chết?

Cô lại càng nức nở:

- Cứ nghiệm xem khí sắc của con thì quyết không sai rồi!

Nói xong, cô tự đi sắm khăn áo xô gai, và đặt bàn thờ chồng. Bà mẹ và người nhà còn nửa tin nửa ngờ thì năm hôm sau, quả có tin ở dưới tỉnh Đông đưa lên báo là thầy Tú vừa bị bạo bệnh tạ thế.

Từ đó, tiếng thần tướng của cô lại đồn dậy lên. Nhưng cô chỉ đóng cửa giữ tiết thờ chồng, không nói gì đến việc xem tướng nữa.

TRƯỜNG THI HƯƠNG HÀ NỘI

Sau một cuộc đổi thay, các phố Hà thành nhiều nơi vẫn còn giữ nguyên tên cũ: phố Hàng Đào, phố Hàng Mắm, phố Hàng Cau, v.v...

Mỗi khi nhắc đến, người ta còn tưởng tượng được cái sắc thái của các phố ấy trong cuộc đời đã qua. Riêng có một nơi, ngày nay dù tìm hỏi cũng không còn lấy mấy may dấu vết, duy chỉ còn lại có cái tên, vậy mà đủ khiến khách hoài cổ, lòng riêng xiết bao cảm khái.

Nơi ấy là đâu? Một “căn cứ địa” có quan hệ đến nền văn hóa cả xứ này trong mấy trăm năm rồi, tức là phố Trường Thi vậy.

Gọi là phố Trường Thi, vì trường Thi Hương xưa kia đặt ở trong địa phận phố ấy. Trường thi này chiếm một vị trí rất rộng. Chu vi trường thi bao quát cả một khu Thư viện trung ương, trường Kỹ nghệ, sở Sen đầm bây giờ. Đó là nơi những địa điểm để các bạn nhận ra ngay, chứ trường thi còn chiếm một phần rộng lớn ở bên ngoài các khu ấy nữa.

Trường thi này lập ra từ đời Lê. Những thí sinh đỗ trường này gọi là hương cống và sinh đồ. Ai đỗ hương cống rồi mới được dự khoa thi Tiến sĩ, tức là thi Hội và thi Đình. Đến bản triều, các đời vua cũng lấy trường thi Hương ấy để kén nhân tài, chỉ có đôi hương cống gọi là cử nhân, sinh đồ gọi là tú tài. Sau vì số sĩ tử mỗi khoa mỗi đông, và sự đi lại khó khăn diệu vợi, triều đình lại đặt thêm một trường thi Hương nữa ở Nam Định gọi là trường Nam, cho sĩ tử các tỉnh miền xuôi thi. Còn trường Hà Nội này gọi là trường Hà, cho sĩ tử các tỉnh miền trên thi. Mỗi trường đều thi riêng, nhưng cũng cùng một kỳ thi, nghĩa là cứ vào những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì mở. Thi chia ra bốn kỳ: bắt đầu ngày mồng một tháng mười thi kỳ đệ nhất. Về sau vì ở Hà Nội có việc, không tiện mở kỳ thi, triều đình mới cho sĩ tử trường Hà xuống hợp thi với sĩ tử trường Nam. Vì vậy mới có tên gọi là Hà Nam trường. Sự hợp thi này giữ mãi cho tới khoa Ất Mão (1915), chính phủ bãi chế độ khoa cử về chữ Hán mới thôi.

Sau khi hai trường Hà, Nam hợp thi, thì trường thi Hà Nội này bỏ hẳn. Các nhà thập đạo, nhà quan cư (tức là các nhà cho các quan chánh, phó chủ khảo, phúc khảo, giám khảo, phân khảo và sơ khảo ở để chấm bài thi) lần lượt bị phá dỡ đi, nhường chỗ cho các lâu đài, dinh thự mới lập nên.

Theo lời một vị cố lão, trường thi Hương Hà Nội này, dùng riêng để cho sĩ tử các tỉnh miền trên thi, nhưng

cũng có khoa cho cả sĩ tử trường Nam dự nữa. Sự dự thi ấy đã xảy ra một câu chuyện ngộ ngược và đáng tức cười, tức là việc học trò phá nhà Bá Kim hay Thương Kim.

Bá Kim vốn là một du dân, không gia sản, không nghề nghiệp. Năm Quý Dậu, sau khi thành Hà Nội bị phá, quan Tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết, các quan tỉnh đều chạy trốn cả. Tỉnh thành bỏ trống không. Cho là một cơ hội tốt Bá Kim cùng bạn hữu vào thành, lấy được rất nhiều tiền của.

Đối với nhân dân Hà thành, Bá Kim là một người có tên tuổi. Sau dịp ấy, cứ làm giàu to mãi lên, tậu nhiều đất, làm nhiều nhà. Một dãy nhà lộng lẫy ở phố Hàng Khay, tức là nơi hấn ở và mở cửa hàng cho vợ con buôn bán. Bá Kim lại khéo léo thế nào đem được thi hài bố mẹ chôn ở gò Rùa giữa Hồ Hoàn Kiếm, xây một cái tháp lên trên vì vậy người ta gọi là “Tháp Bá Kim”.

Đã nhiều tiền của, lại dư thần thế, khi có nha Kinh Lược, Bá Kim được bát phẩm, rồi bổ làm Thương tá, nên gọi là Thương Kim.

Không rõ khoa thi Hương trường Hà này là khoa nào, có cả sĩ tử trường Nam lên dự thi. Một hôm, có một toán học trò miền Nam đi dạo chơi phố phường và để sắm thêm đồ dùng vào kỳ đệ nhị, tức là kỳ phú. Khi qua cửa hàng nhà Thương Kim, mấy người ghé vào hỏi mua vài thứ. Chắc hẳn các thầy có nói năng suồng sã, hay có hành động gì khinh suất chẳng, mấy cô con gái Thương

Kim giữ giọng nói chua, trong câu nói có ý mỉa mai đã là thân phận phải đi thi nhờ lại còn làm bậy.

Câu nói mỉa ấy làm cho các thầy khóa đều căm giận, gây nên một cuộc khẩu chiến rất kịch liệt. Tưởng thế là êm chuyện rồi, ngờ đâu mấy người ấy lại đem câu chuyện mỉa mai thi nhờ ấy khích động hàng ngàn sĩ tử miền Nam. Họ viết giấy dán khắp nơi, bảo nhau bỏ kỳ đệ nhị, không thi nữa, kéo nhau đến đánh phá nhà Bá Kim để rửa nhục.

Giữa lúc huyên náo, quan Tổng đốc Hà Nội được tin cấp báo, vội cùng các quan đề đốc, lãnh binh, đem một toán lính đến dẹp, lập kế đưa được Bá Kim cùng vợ con về ở trong dinh.

Thấy quan quân đến, bọn học trò bỏ chạy tán loạn, chỉ còn bắt được mấy người đem về xét hỏi thôi.

KHÓA LIẾN VỚI ÔNG TIẾN QUÂN THÀNH

Làm một người học trò ở xã hội ta vào lúc lối học từ chương còn thịnh nếu là người tài cao học rộng, đỗ nên ông Cống, ông Nghè, được vẻ vang sung sướng đã đành. Còn như phận không đạt, chung thân chỉ là thầy khóa, thầy đồ. Nếu đời có người biết tài, nhiều khi cũng có cái duyên tao phùng rất thú vị. Các bạn hãy nghe câu chuyện Khóa Liễn sau này:

Theo cuốn *“Long thành tạp thoại”* của một vị túc nho và điều nhớ lại của mấy vị cố lão, khoảng phố Gia Ngư và phố Hàng Dầu bây giờ, bảy tám mươi năm về trước, lúc là làng Nam Phố. Tại làng đó có một xóm gọi là xóm Khóa Liễn, nơi ở của một dân sĩ, ngày nay còn một vài người mang máng nhớ tên.

Khóa Liễn, họ tên là gì, quê quán ở đâu, đến ở cố đô này từ bao giờ, chẳng ai được biết. Có ai gắng hỏi, ông chỉ cười, trả lời bằng một giọng mập mờ, giễu cợt:

- Tôi là thằng tôi, tôi là người nước Nam, nơi nào là đất nước Nam thì tôi ở.

Một người bí mật! Khóa Liễn dù chẳng chịu nói rõ tông tích, nhưng nhiều người, nhất là bọn sĩ phu, lại thích giao du. Ai nấy chỉ biết đó là một người có tài học hơn đời, không gặp thời, bất đắc chí mà thôi. Cái tên “Khóa Liễn” đã lừng danh trong nhất thời, đó là người ta trông mặt đặt tên, thấy nói năng liến thoắng mà gọi như vậy.

Thực ra, lúc đầu Khóa Liễn cũng chẳng có tiếng tăm gì, cũng như trăm thầy đồ, thầy khóa khác: “gỗ đầu vẽ mặt mười trò trẻ, rút ruột tang bồng giả nợ cơm”. Nhưng may được quan Tổng trấn biết đến, coi như một vị khách quý, nên ai nấy đều mừng thầm lấy làm may mắn cho Khóa Liễn, cái bước vinh hoa ngựa vàng nhà ngọc, hẳn chẳng khó gì. Trái lại, Khóa Liễn lại đứng đưng. Săn bụng liên tài, quan Tổng trấn dù muốn cất nhắc cho, nhưng Khóa Liễn đều từ chối. Vì vậy người ta đã phục Khóa Liễn là danh sĩ lại tôn là một cao nhân.

Về việc Khóa Liễn được quan Tổng trấn tri ngộ cũng là một việc rất có nhã thú.

Quan Tổng trấn hỏi ấy là ông Tiên quân Nguyễn Văn Thành, vốn có lòng trọng văn học, yêu sĩ phu. Đàn “Trận vong tướng sĩ” vừa lập xong. Ngài muốn có một đôi câu đối rất hay khắc ở đôi đồng trụ ngoài đàn, bèn bảo tất cả các quan thuộc hạ cật các vị khoa mục có

tiếng trong thành, mỗi vị soạn một đôi, để rồi chọn lấy một. Kết quả được hơn trăm đôi. Ông nào cũng đem hết văn tài, cố nặn gọt lấy hay, để được trúng ý quan Tổng Trấn. Nhưng xem đi xem lại, đôi nào đọc lên cũng kêu, cũng hay, mà cần lấy một đôi đặc sắc thì không có. Vì vậy không biết lấy đôi nào, bỏ đôi nào. Muốn cần lấy lời công luận xác đáng của sĩ phu, nhân có cuộc bình văn do quan Đốc học triệu tập tại Văn Miếu, mời quan Tổng trấn làm chủ, ngài liền gọi một thuộc quan đem tập câu đối ra bình, tuyên bố cho phép tất cả các học trò dự cuộc được tỏ bày ý kiến, đôi nào hay thì khen, dở thì chê.

Hơn một trăm đôi, bình đi bình lại, từ nửa buổi sáng đến quá trưa, trên các quan dưới các học trò, đều phân vân không định được hơn kém. Bỗng một lệnh từ quan Tổng trấn truyền ra, khiến ai nấy đều kinh ngạc.

- Lính đâu, cho đòi cái anh đồ ngồi tựa cột ngoài gian bên tả vào đây ta hỏi!

Trông lên nét mặt nghiêm nghị của quan Tổng trấn, tưởng chừng như xảy ra sự chi chằng lằng, mọi người đều nhìn theo phía anh lính đi, đến đúng cái cột quan Tổng trấn đã chỉ. Người ta thấy thầy đồ ngót bốn mươi tuổi đang dựa lưng vào cột, ngược mắt lên mái nhà, mồm tủm tỉm cười, như chẳng biết bên mình có ai. Một tiếng quát dữ dội. Thầy đồ giật mình ngồi ngay lại nhưng miệng vẫn tủm tỉm cười, cái cười kiêu ngạo.

- Thầy lên ngay. Cụ lớn Quận đòi.

Chẳng đợi cho đứng lên, người lính vội dặt tay bảo đi theo. Lách qua mấy vòng người, thấy đồ bị lôi kéo đến trước cái sập chân quỳ kê chính gian giữa.

Một số đông người thì thầm bảo nhau: “Khóa Liến! Khóa Liến!”. Sẵn biết cái tính ngông cuồng từ trước, ai nấy đều chắc là Khóa Liến đã làm sự gì phạm phép chẳng. Rồi cùng nem nép đứng nghe. Vẫn một vẻ nghiêm nghị, quan Tổng trấn nhìn Khóa Liến, hỏi dần từng tiếng:

- Từ lúc bình những câu đối, ta thấy ai nấy đều chăm chú nghe và đều ra vẻ kính cẩn. Riêng có nhà thầy lại ra vẻ kiêu ngạo, mỗi lần nghe bình xong một đôi, lại lắc đầu xỉ mũi, rồi ngửa nhìn lên mái mà cười. Có lẽ nhà thầy tự phụ tài học, khinh bỉ không cho đôi nào dùng được chẳng. Sự cử động bất kính ấy, đáng lẽ ta trọng trị không tha. Nhưng sẵn bụng liên tài, ta hãy ngưng đi, cho gọi đến đây để hỏi ý. Vậy đối với những câu đối ấy, nhà thầy có phục đôi nào không?

Đối với một vị thượng quan rộng lượng như thế, mừng thầm được dịp tỏ tài, Khóa Liến liền vái ba vái rồi bắm luôn, không chút kiêng nể.

- Bắm cụ lớn, cứ như ngu ý của bỉ sinh hơn trăm câu đối ấy, không đôi nào dùng được cả!

Một phần đông các vị quan thân dự cuộc đều có câu đối cả và đều tự phụ của mình là hay, bỗng thấy một anh đồ nói bướng như thế, đều có ý căm tức. Hàng trăm cặp

mắt nhìn chòng chọc vào Khóa Liến, mong được quan Tổng trấn ra oai trừng trị.

Trái lại, quan Tổng trấn lại ngoảnh nhìn các quan thân ngồi hai bên, nói một giọng rất vui vẻ:

- Đối với nhân tài, chúng ta nên rộng lượng bao dung. Đã dám nói như thế, hẳn chắc cũng là người có bảo phụ, vậy ta hẹp gì mà chẳng để hẳn tỏ bày. Nếu chỉ là kẻ công đại nói càn, ta sẽ nghiêm trị.

Dứt lời, ngài hỏi luôn Khóa Liến:

- Nhà thầy bảo không đôi nào dùng được, chắc là hỏng cả, vậy thì hỏng về cái gì?

Khóa Liến nói:

- Bỉ sinh nói là không dùng được, vì những đôi câu đối ấy, không đôi nào thiết thực về cái ý nghĩa của cụ lớn lập ra bàn thờ các tướng sĩ Nam Hà tử trận ở ngoài Bắc Hà này.

Gật đầu như ngẫm nghĩ, miệng hé một nụ cười, quan Tổng trấn nói:

- Nhà thầy nói rất phải. Cũng vì thế mà mấy hôm nay, ta cứ phân vân không biết lấy đôi nào, bỏ đôi nào. Đã có cái tài học, biết được như thế, nhà thầy cũng thử nghĩ một đôi xem.

Chẳng từ chối, Khóa Liến liền nói:

- Bẩm cụ lớn, có bao nhiêu chữ hay, hơn trăm đôi, các ngài đã dùng hết cả rồi bỉ sinh chẳng còn chữ nào mà

làm nữa. Nói thực ra, cũng không dám múa rìu qua mắt thợ. Đáp lại tám lòng liên tài của cụ lớn, bĩ sinh không dám tự ý nghĩ, chỉ xin tập đôi câu thơ Đường:

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Đó là hai câu thơ ở trong hai bài thơ Đường. Khóa Liễn đã khéo tập làm đôi câu đối rất hợp với tình cảnh các tướng sĩ tòng chinh và tử trận ở nơi xa xôi. Hai câu ấy nghĩa là:

*Ngày tôi quê nhà đâu đó tá,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.*

Đã hợp tình cảnh, lời văn lại lâm li, bi đát. Quan Tổng trấn xiết bao kính phục, vội đứng dậy, cầm tay mời ngồi xuống ghế, vui vẻ nói:

- Thực là đại danh sĩ, nếu không có cuộc bình văn hôm nay, bản trấn đã bỏ sót một đại tài mà không biết. Chỉ mười bốn chữ của danh sĩ đủ áp đảo hơn một trăm đôi, thực là tuyệt tác!

Sau đó, quan Tổng trấn cho mời luôn Khóa Liễn vào đại doanh, cung đãi như một thượng tân, mấy lần muốn tiến cử làm quan. Nhưng Khóa Liễn đều từ chối, chỉ xin cho được một miếng đất để làm nhà dạy học. Chiều theo ý muốn, quan Tổng trấn chọn khu đất làm nhà cho Khóa Liễn ở. Mấy gian nhà cỏ, chung quanh cây cối um tùm, trông ngay xuống một hồ nước trong veo (hồ này sau lập đi lập thành phố Gia Ngư) phong cảnh thanh u, thành

nơi ở riêng một cao sĩ. Lâu dần, nhiều người vì mến tiếng Khóa Liễn, đến làm nhà ở chung quanh, thành một xóm đông, gọi là xóm Khóa Liễn.

Khóa Liễn ở đó một mình, ngoài ra chỉ dùng một tên đây tớ hầu hạ cơm nước và bón cây, tưới hoa mà thôi. Ở đó cho tới năm sáu mươi tuổi, không ai còn thấy tung tích nữa. Thực là một người bí mật. Có người nói Khóa Liễn nguyên là một mưu sĩ của vua Quang Trung, có văn chương, có thao lược, sau khi nhà Tây Sơn đã mất, ông giấu kín họ tên, không muốn cho ai còn biết mình nữa, nên về sau dù được ông Tiên quân Thành tri ngộ, cũng không chịu xuất đầu. Khi ông Thành thôi làm Tổng trấn Bắc thành, trở về kinh sư, Khóa Liễn có tiến một bài thơ quốc âm Đường luật, cuối cùng có hai câu:

*Đài các phải nơi hò hẹn khách,
Ngũ Hồ riêng thú đợi chờ ai.*

Người ta nói Khóa Liễn có ý khuyên ông Thành nên sớm liệu từ quan đi ẩn, như Phạm Lãi bỏ chức tể tướng nước Việt rong thuyền đi chơi Ngũ Hồ, nếu còn ở lại sẽ mang họa. Về sau, ông Thành vì một bài thơ ngông cuồng của người con mà cả nhà bị tội chết, người ta đều phục Khóa Liễn là người tiên tri.

THÁP TUYẾT NI

Riêng một phía tây cố đô Thăng Long này, miền Ngọc Hà xưa kia cũng có nhiều cảnh trí rất nên thơ.

Miền ấy có bốn cảnh đẹp, các thi gia vẫn dùng làm ngâm liệụ, gọi là “Ngọc Hà tứ cảnh”. Cảnh đẹp nhất là “Tuyết Ni tháp ảnh”, nghĩa là bóng tháp Tuyết Ni.

Năm Tự Đức 28, chùa Diên Hựu, một danh lam ở phía tây Hà thành, mở hội khánh thành cuộc trùng tu. Một nhà từ thiện yêu văn, đã treo thưởng, cầu các sĩ phu vịnh cảnh ấy, để kén lấy một bài tuyệt tác khắc vào thân tháp. Vậy Tuyết Ni là ai? Và tháp ấy ở vào chỗ nào?

Bằng trí nhớ của vị cố lão thuật chuyện vị trí tháp ấy ở vào đằng trước chùa Nhất Trụ bây giờ. Trước tháp có một cái hồ bán nguyệt rộng độ một mẫu, nước bốn mùa đều trong như lọc. Bóng tháp in xuống đáy hồ, những khi mặt nước lăn tăn gợn sóng cùng với bóng các cây cỏ thụ hiện lên một cảnh linh động coi rất hữu tình.

Đến cuối đời Tự Đức, không rõ vì cố gì, hồ ấy bỗng bị lấp. Cảnh đẹp không còn nữa, ngọn tháp trở trọi đứng lại

một mình không còn ai qua lại viếng thăm, ngày qua tháng lại, không tránh khỏi họa kiếp tang thương, trải bao mưa gió dập vùi, lở đổ dần dần, rồi mất tích hẳn.

Tuyết Ni tục danh là Lê Thị Vân, con một quan bố chính nhà ở Bích Câu phường. Đối với đạo Phật, cô Vân như vốn có căn duyên. Năm mới lên bảy tuổi, một hôm theo bà mẹ đến lễ Phật chùa Bích Câu, cô đem lòng say mến cảnh thiên, không muốn trở về nhà nữa.

Thấy vậy, quan bố từ đó nghiêm cấm không cho theo bà mẹ hay người nhà đi lễ các chùa. Nhân trong nhà có nuôi thầy cho các con giai học, bắt cô Vân cũng phải cùng các anh em sớm hôm học tập kinh sử. Sẵn tư chất thông minh, sức học của cô Vân mỗi ngày mỗi tiến. Năm mười lăm, mười sáu tuổi, kinh sử đã thuộc lòng, văn chương đã có nhiều bài xuất sắc. Nhưng có điều lạ, theo lời nghiêm huấn, dù cô không dám đi chùa lễ Phật nữa, nhưng ngay từ khi bị cấm hằng ngày cô chỉ ăn chay. Ban đêm sau khi học tập xong rồi, cô lại một mình ngồi lặng trong phòng riêng, lầm rầm niệm Phật. Về phục sức, bà mẹ vì yêu thương cô hơn cả các con khác, lượt là nhiều vóc, hoa tai vành cánh, sắm sửa cho chẳng thiếu thứ gì. Nhưng cô đều xếp bỏ một nơi hay nhường hết cho các chị em, chỉ mặc quần áo vải thường, còn son phấn điểm tô, không bao giờ dùng đến.

Năm cô mười bảy tuổi, quan bố nhận lời gả cho cậu ấm con một quan Tổng đốc. Cô khóc lóc chối từ không được, rồi thành bệnh nặng. Cả nhà đều lo sợ, đón đủ các

thầy thuốc điều trị, bệnh thế lại càng tăng, luôn hai ngày đêm mê man, rồi cô tắt thở.

Ông bà bố chính một mình lăn khóc, như mất viên ngọc quý trên tay. Sau khi cô tắt thở đã nửa ngày, giữa lúc người nhà đang chực khâm liệm, cô bỗng lại cử động, chấp hai bàn tay gơ cao lên, miệng lẩm bẩm:

- Trăm lạy đức Phật, ngàn lạy đức Phật, mau mau cứu lấy đệ tử ra khỏi bến mê.

Nói xong, cô mở mắt trông chung quanh, mỉm cười một cách vui vẻ. Bỗng ngấm mình, thấy mặc toàn những vóc nhiều là những quần áo cưới vừa may, cô giãy nảy vội giăng giạt ra, khóc nói rằng:

- Đây là những cái ma chướng nó chực đưa dắt con vào bể trầm luân, cha mẹ có thương con, xin mau mau giải thoát.

Người nhà vội cởi hết ra, lại mặc cho cô những quần áo thường. Từ đó cô khỏi bệnh, nhưng thường buồn bã không vui. Chẳng bao lâu, ông bà bố chính theo nhau tạ thế, để lại một gia đình thanh bạch. Thấy vậy, bên nhà quan Tổng đốc cũng tự bãi hôn ước. Không còn sợ ai ngăn trở, cô Vân liền xuất gia tu hành.

Vì đã sẵn có sức học rộng, nên đối với các kinh điển, cô ra công nghiên cứu, hiểu thấu được tới chỗ cao diệu uyên thâm của đạo Phật, thường đi thuyết pháp tại các sơn môn, các tăng, ni đều đem lòng kính phục, gọi là Tuyết Ni.

Năm Tự Đức XV, tại Hà thành có bệnh thiên thời lưu hành, số người chết rất nhiều. Bấy giờ, Tuyết Ni đang trụ trì ở một chùa tại Sơn Tây, động lòng từ bi, liền thân về tận nơi, xin quan Tổng đốc cho lập một đàn tràng cúng Phật, tự bỏ tiền riêng chế các phương thuốc, cứu sống được hàng ngàn người. Sau đó hai năm, Tuyết Ni tịch, thọ bảy mươi tuổi. Những người đã được nhờ ơn cứu sống, quyên tiền dựng một cây tháp để ghi nhớ công đức gọi là Tuyết Ni bảo tháp, chính ngay chỗ Tuyết Ni đã lập đàn tràng.

BÀ TIẾT CHẶT NGÓN TAY

Câu chuyện trình tiết theo cái tư tưởng quá mới của một số đông người nhiệt thành về thuyết nam nữ bình quyền đều cho là “bánh thánh” của bọn đàn ông ích kỷ về đời chuyên chế đặt ra để giam hãm đàn bà.

“Thực là trái nhân đạo”, người ta bảo thế! Điều đó phải trái thế nào, trước đây đã có nhiều nhà giải thuyết, không cần phải nói thêm rườm lời. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn đem một truyện tiết liệt đã bị mai một theo thời gian, nhắc lại để các bạn cùng nghe. Chúng ta thấy rằng hai chữ trình tiết của đàn bà Á Đông có một nghĩa hy sinh tuyệt đối.

Người con gái khi xưa, sau khi đã lấy chồng, hy sinh cả của riêng và nhan sắc để lo việc làm ăn cho nhà chồng. Nhất là khi đã có con cái rồi, đức tính ấy lại càng rõ rệt lắm. Vì sự bù trừ, nuôi nấng và gây dựng cho con cái nên người, không tưởng gì đến hạnh phúc của riêng mình. Gặp cảnh thuận đã đành, người nào lỡ ra gặp cảnh rẽ thúy chia duyên, phần thương con, phần nghĩ lại tình cũ nghĩa xưa, đành chịu cái đời thiệt thòi ở lại thờ

chồng, nuôi con, không chịu ôm cầm thuyền khác. Người có con, bảo còn trông mong cái hạnh phúc về sau. Nhiều người con không có, trợ trợ một mình, nếu bước đi bước nữa, may ra cũng được vui sướng một đời. Vậy mà nặng lòng về chút nghĩa cũ càng, đành phải chịu cảnh một bóng một đèn, hạnh phúc của đời riêng cam lòng hy sinh không hối tiếc. Chứng cho điều đó, tôi xin thuật câu chuyện bà Tiết ra sau đây:

Phía ngoài, xế cửa đền Quan Thánh bây giờ, về phía bên tay trái, trên bờ Hồ Tây, hơn sáu mươi năm trước, vẫn có một bãi đất có nhiều gạch ngói đỏ vỡ ngổn ngang, cỏ mọc xanh um. Ngay bên cạnh đó, có một tấm bia đá đỏ nghiêng. Người ta nói đó là nền đền thờ bà Tiết, vì lâu năm không ai sửa chữa, nên đã ụp xuống. Còn cái bia ấy là ghi lại sự tích và thân thế bà. Sau khi thành phố bắt đầu cuộc đổi mới, người ta làm con đường xe điện lên Bưởi qua đó. Cái bia kia trở nên vật chướng ngại, không rõ bị phá vỡ hay có người mang đặt ở nơi nào, không còn trông thấy đâu nữa. Bể dâu biến đổi, tấm lòng kiên trinh của một tiết phụ làm đại biểu cho một chế độ, một luân lý cũ, bia đá cũng không đủ lưu lại được, nếu không nhờ có “bia miệng” đôi lúc nói ra, còn ai biết đến nữa? Nghĩ cũng đáng buồn!

Bà Tiết tên là Lê Thị Mai, con gái một nhà giàu sang ở Đồng Xuân phường, lúc bé theo đòi bút nghiên, lớn lên cũng có học thức và làm được thơ văn. Năm mười sáu tuổi, bà lấy chồng. Mới được hai năm thì chồng chết, bấy

giờ bà mới mười tám tuổi. Đoạn nhân duyên ngăn ngừa chỉ lưu lại một cái bào thai năm tháng.

Đủ ngày tháng, bà sinh được một con gái. Ba năm tang tóc, bà thờ chồng nuôi con, không lúc nào ra khỏi ngõ. Sau khi mãn tang, vì thấy bà còn ít tuổi và nhan sắc càng xinh đẹp, nhiều người cậy nhờ mỗi lái muốn bà kết duyên. Bà đều từ chối và đứng trước mặt mọi người, tự chặt một ngón tay để tỏ tấm lòng sắt đá, không chịu đổi thay.

Tháng trọn ngày qua, một mình riêng sống cái đời hiu quạnh, ngày thì lo làm ăn buôn bán, đêm thì đốc thúc con cô chăm chỉ học hành. Thấm thoát người con đã hai mươi hai tuổi, thi đỗ tú tài. Bà định cưới vợ cho con theo như thường tình, để mong sớm được đứa cháu bông tay, cậu Tú bỗng bị bệnh mà chết. Chồng chết còn mong cậy có con, con lại chết nốt, đời sống của bà lúc này thực không còn hy vọng. Tuy vậy, từ đó đời bà lại riêng có điều yên ủi vẻ vang, dưới gối dù không có con cái thừa hoan, nhưng bên mình lại có hàng trăm, ngàn, vạn dân đen chăm chăm trông đợi bà như lũ con thơ mong đợi mẹ. Vì sự cần cù trong mấy chục năm trời, bà gây nên một gia sản khá lớn, ruộng hai trăm mẫu, tiền bạc thóc lúa có hàng ức, hàng muôn. Sau khi người con chết, họ hàng bàn nên đặt hương hỏa, chọn người kế tự, và làm một ngôi chùa rất lớn ở Hồ Tây để đối chọi với ngôi chùa Báo Ân đồng thời quan Thượng Giai đang làm. Nhưng

vốn là người học thức, không chịu dùng tiền của làm những việc viển vông vô ích, bà chỉ trích một phần nhỏ làm của hương hỏa, còn thì chia ra làm hai phần. Một phần dựng mấy ngôi nhà lớn để chứa các học trò nghèo ở các tỉnh về Hà Nội học tập. Người nào xét ra có chí, nếu nghèo quá, bà lại cấp cả cơm áo chu tất, còn hàng tháng cấp giấy bút để tỏ ý khuyến khích. Nghe nói bà lập ra bốn năm ngôi nhà như thế, mỗi ngôi hàng mười gian, ở trong có đủ đồ cần dùng và tôi tớ phục dịch. Những nhà ấy không nhớ đích lập ở đâu, có một ngôi, theo một cố lão nói thì ở ngay đầu phố Hàng Giấy, rẽ ra Hàng Đậu bây giờ. Số học trò ở đó, có một người sau đậu đến Hoàng giáp, làm quan to, bỏ một món tiền lớn để sửa chữa và làm bức hoành “Nữ trung hào kiệt”, treo ngay ở đó để nhớ ơn bà. Một phần để đóng thóc lúa, cũng vào các nghĩa thương các nơi để phòng cứu giúp dân đói. Đầu vào năm Mậu Tuất đời vua Minh Mệnh XIX (1838), tỉnh Hà Nội và tỉnh Sơn Tây gặp nạn mất mùa, số dân chết đói rất nhiều, bà xuất một lần hơn một vạn phương thóc và hai vạn quan tiền chia nộp hai quan Tổng đốc hai tỉnh để chẩn tế cho dân đói, cứu đỡ được nhiều người.

Cảm động tám lòng nghĩa hiệp ấy, các quan tâu về triều xin tinh thưởng cho bà, nhưng bà cho việc cứu tế là việc nghĩa phải làm, từ chối không nhận. Tuy vậy, đối với một người đàn bà có khí tiết, có kiến thức, nhất là lại sốt sắng về việc nghĩa, không thể để cho mai một, cần

phải làm tấm gương sáng cho muôn ức người soi chung. Sau khi đã xét hỏi rõ ràng, triều đình ban cho bà tấm biển vàng “Hiếu nghĩa khả gia”.

Bà thọ được bảy năm tuổi. Quan tỉnh lại tâu về triều, xin cho lập ngôi đền thờ, gọi là “Tiết nghĩa từ” ở ngay di chỉ của một ngôi nhà cũ của bà và dựng bia kỷ niệm. Người sau đi lên Bưởi qua đó, cảm động vào lễ bái và gọi đó là “đền bia bà Tiết”.

CÂY CỔ THỤ VỚI ÔNG HOÀNG DIỆU

Vào khoảng bốn mươi năm về trước, mỗi khi đi lên đường Cột Cờ nếu ai chủ ý nhìn về đằng trước mặt, phía trên Sở Tài chính bây giờ, cũng trông thấy một cây cổ thụ, cành lá đã héo khô, chỉ còn trơ lại cái thân cây cằn cỗi, một mình đứng trơ trơ trên bãi đất hoang, theo lời những người có tuổi từng biết thì đó là cái cây mà ông Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu đã treo cổ tự tử ngày mồng tám tháng ba năm Nhâm Ngọ. Không bao lâu vì thành phố mở mang khu đất ấy, cây cổ thụ kia chẳng biết bị đốn chặt đi lúc nào, không ai trông thấy nữa, một vật vô tình đã được làm dấu cù để chỉ tỏ cho người sau biết tấm lòng hy sinh vì nước của một vĩ nhân và sự thay đổi của một thời đại đã qua, chẳng được người sau che chở hộ trì, đã bị mai một dập vùi, thực là đáng tiếc.

Không biết ông Hoàng có quả đã mượn cây ấy để chết theo nạn nước không, tôi cũng không chắc, nhưng chứng các sách đã ghi chép sự biến hồi đó cũng đều nói

là ông đã treo cổ tuần tiết ở một cái cây gần Võ Miếu hay miếu thờ Quan Công và do sự nhận xét chỗ ông tuần tiết dù dấu cũ không còn, cũng có thể nói quyết là giới hạn cũng chỉ trong bãi đó mà thôi.

Theo như sử đã chép lại, việc giao thiệp với người Pháp ở Bắc Kỳ hồi ấy tình hình rất nghiêm trọng, riêng thành Hà Nội là một trọng trấn lại càng quan yếu, khó giữ cho cuộc binh lửa không xảy ra, binh lực của ta có kém thật, nhưng bằng ở tấm lòng hăng hái, phái chủ chiến cũng chiếm một số khá đông. Vì vậy, hai đường chiến thủ, triều đình ta cũng chưa quyết hẳn ra bề nào. Trước đó vài hôm, các quan ta cùng các nhà cầm đầu quân Pháp vẫn luôn luôn mở cuộc đàm phán, trong lúc ai nấy đang mong mỗi cuộc giao thiệp lại được hòa hảo; mới nghi ngờ đều sẽ tiêu tan, thì sáng ngày tám tháng ba quân Pháp lấy cơ quân ta có ý khai hấn, trong thành vẫn phòng bị các việc chiến thủ, liền chia súng bắn vào trong thành, thế là cuộc huyết chiến dữ dội đã diễn ra trước đó mười năm, bây giờ tái diễn trên đất cố đô này.

Đứng chịu trách nhiệm giữ thành bấy giờ là ông Hoàng Diệu, cũng là một yếu nhân trong phái chủ chiến, trước đó biết thế nào cũng xảy ra sự biến, ông đã họp các quan đồng thành và các liêu thuộc cùng nhau uống máu ăn thề, quyết liều chết giữ lấy thành trì. Khi thấy quân Pháp bắn vào, ông liền hạ lệnh ứng chiến. Hai bên bắn nhau rất kịch liệt, cùng chết hại nhiều. Cầm cự nhau

mãi đến hồi trưa, bỗng sự bất lợi xảy đến cho quân ta, kho thuốc súng bị phát cháy, lửa bốc lên ùng ùng, thì ra có kẻ lén vào làm nội công từ lúc nào. Nơi căn bản bị cháy, quân ta đều rối loạn, bỏ chạy hết cả. Thấy cơ sự đã vỡ lở, quân Pháp sắp kéo vào thành, sợ bị nhục, ông Hoàng lên ra một cái cây ở Võ miếu thắt cổ tự tử, quyết đem một chết để đền nợ nước ơn vua.

HÀ NỘI CHÍNH KHÍ CA

Một vùng chính khí lưu hình,
Khoảng trong trời đất nhật linh sơn hà,
Hiệu nhiên ở tại lòng ta,
Tác gang son sắt hiện ra khi cùng.
Nên thua theo vận truân, phong,
Muôn năm chép tiếng anh hùng sử xanh,
Có quan tổng đốc Hà Ninh
Hiệu là Hoàn Viễn trung trinh ai bằng.
Đạo ngay lý hiếm đã từng,
Vâng ra trọng trấn mới chừng ba năm,
Thôn Hồ dạ vẫn chăm chăm,
Ngoài tuy giao thiệp trong cảm những là.
Đầu năm Nhâm Ngọ tháng ba,
Buổi ngày mồng tám mới qua giờ thìn.
Biết cơ trước vẫn giữ gìn,
Hơn trăm võ sĩ vài nghìn tinh binh.
Tiên nghiệm sai đóng trên thành.
Thệ sư rót chén rượu Quỳnh đầy vơi.
Văn quan, võ tướng nghe lời,

Âm âm xin quyết một bài tận trung.
Ra oai xuống lệnh vừa xong,
Ngoài ra thoát đã dùng dùng súng ran
Không ngờ thất ý tại ta,
Rõ ràng thắng trận thế mà thua cơ
Nội công phải những bao giờ
Thấy kho thuốc cháy ngọn cờ ngã theo
Quan quân sát khí cũng nhiều,
Thành tây loài quý đánh liêu trèo lên.
Nào ai sức khỏe gan liền
Nào ai gìn giữ vững bên ba quân.
Nào ai còn có kinh luân,
Nào ai nhớ đến thánh quân trên đầu.
Một cơn gió thảm mưa sầu,
Nấu nung gan sắt dãi dầu lòng son.
Chữ trung còn chút còn con
Quyết đem gửi cái tàn hồn góc cây.
Giời cao bể rộng, đất dày
Núi Nùng sông Nhị, đất này làm ghi.
Thương ôi trong buổi lưu ly
Tám riêng ai chẳng thương vì người trung
Rủ nhau tiền gạo của chung,
Rước người sang táng ở trong học đường.
Đau đớn nhĩ, ngán ngơ nhường,
Tả tơi thành quách, tồi tàn cỏ hoa.
Kể từ năm Dậu bao xa
Tới nay tính đốt mới đà mười niên
Công thành thất thủ hai phen,
Kho tàng hết sạch quân quyền là tan.

ĐIỂM VÈ

Trong quốc văn ta, lối văn vè thực có một tính chất đặc biệt, chuyên việc bới vạch những hành động bí mật, bất chính của những kẻ tàn ác, gian tham ra trước tòa án dư luận. Lối văn ấy cũng thường theo một thể như lối lục bát. Vì đặc tính nói trên, người ta gọi là “vè”.

Lối văn vè ngày nay không còn thịnh hành nữa. Còn chăng chỉ ở một vài nơi thôn quê hẻo lánh mà thôi. Vì ngày nay, theo pháp luật văn minh, lối văn ấy có ý chạm đến đời tư của cá nhân. Nếu phát giác, tác giả sẽ bị pháp luật trừng trị.

Không nói về pháp luật, nếu chuyên xét về mặt luân lý và danh giáo, ta chớ nên quên rằng lối văn ấy cũng đã từng có chút công bổ ích cho thế đạo, nhân tâm. Nhất là đối với chốn cố đô này, đây là một nơi “thủ thiện” lại chính là nơi “thủ ác”.

Vì là một nơi “tứ chính quần cư”, người hay cũng lắm, kẻ dở cũng nhiều, mấy cụ già dễ nhận thấy ở vào thời đại chưa có báo chương, lối văn “vè” đã từng có một thể lực khá mạnh. Trừ những kẻ chỉ chăm nói xấu người

ta không kể. Còn là những người chỉ vì đau đớn về những điều trông thấy không thể chỉ mặt gọi tên, hay vì bị thế lực đè trèn, thấp cổ bé miệng, không thể công nhiên phơi bày ra trước ánh sáng. Cực chẳng đã, lời què chấp nhặt dông dài, cốt tả hết được những hành động của những kẻ vì ngu dại, vì tham lam, vì gian ác đã làm, bêu ra cho công chúng đều biết. Rồi đó, những lời “búa rìu” của dư luận, kẻ còn có lương tâm cũng tỉnh ngộ, hối cải được nhiều nếu không thối hẳn cũng không dám cả gan làm bậy nữa.

Chừng sáu bảy mươi năm về trước, vào khoảng đầu Hàng Ngang rẽ ra Hàng Bạc bây giờ, có một cái điểm làm bằng tre lợp lá, người ta thường gọi là *Điểm Vè*.

Cũng như các điểm canh khác, điểm ấy chỉ là nơi có dân phu túc trực, chuyên giữ việc canh phòng. Nhưng có một điều khác là các điểm canh chỉ vào khoảng gần tháng củ mật, hay khi có sự gì quan trọng; mới đặt ra để tra xét gian tế mà thôi. Còn *Điểm Vè* này thì đặt ra suốt năm, vì ngoài sự phòng gian, còn để ngăn ngừa các sự đấu ẩu, lãng mạ do hai giống Hoa, Việt hàng ngày tiếp xúc nhau mà xảy ra.

Cách điểm ấy vài trăm bộ, nhà nước đã có làm ra một cái cổng ngăn ở đầu phố Hàng Ngang, để ngăn ngừa sự tranh chấp của hai giống. Nhưng đối với pháp luật, bao giờ cũng vẫn có kẻ cố phạm, nên ngoài sự canh phòng theo lệ thường, *Điểm Vè* lại phải chịu một phần trách nhiệm lớn về việc ấy. Điểm ấy, bất cứ ngày đêm,

lúc nào cũng có dân phu các phố quanh đó, cắt ra canh giữ. Vậy mà hàng ngày ở đó lại thường xảy ra một cái tệ, phiên phu không sao giữ xiết, tức là cái tệ dán vé, bất cứ ai. Có khi chính ngay những người tại mặt, quyền quý trong tỉnh, nếu trót làm sự gì mờ ám bất chính, không giữ kín để người ngoài biết được, tức thì có người đặt ra bài vé, lên đến dán ở cửa điểm ấy. Chỉ một lát, miệng người truyền đi, bài vé đã lan khắp nơi dù trong bài không kể rõ họ tên, người ta cũng đoán biết được là ai rồi. Ngày thì một bài, ngày thì vài ba bài, mỗi khi có bài xuất hiện, chỉ một lát là có hàng đàn hàng lũ người kéo đến xem. Vì vậy... nên người ta gọi cái điểm ấy là “Điểm Vé”.

Vào khoảng năm Bính Tuất, điểm ấy lại xuất hiện một bài vé, do đó một người bị chết trong một vụ án bí mật đã được thân oan. Nguyên nhà quyền quý Mỗ ở phố Hàng Khay, tuổi đã già, nhưng lòng xuân còn phơi phới, lấy giấu một nàng hầu tuổi chừng đôi chín, để riêng một nơi. Người vợ cả dò biết, xiết bao căm tức, nhưng lại khéo giả bộ nhân từ, tỏ ý phàn nàn cho ông tuổi đã cao, chưa có con nối dõi, rồi tự xin vì ông đi tìm người sửa túi nâng khăn. Thực thà nào biết mưu gian, ông Mỗ mừng thầm bà vợ thực bụng vì mình. Nhân việc đã rồi, ông xin cho đón cô hầu về, khỏi phải tìm người khác, thêm tốn kém. Bà vợ vui vẻ nhận lời ngay. Ông Mỗ mừng quýnh, vội vã tự đi đón về. Vườn mới thêm hoa, lại thấy bà cả yêu thương cô hầu như con, ông Mỗ xiết bao vui sướng. Ngờ đâu chính hôm ông vừa phở cùng vợ cả là nàng hầu đã

có tin mừng thì sau một cơn ngưng nguẩy rúc đầu, cô hầu yêu quý của ông bỗng mồm mũi hộc máu tươi ra mà chết. Tin theo số phận, ông cho chôn cất cô hầu. Vừa được năm hôm, tại “Điểm Về” bỗng có bài hát nói rõ câu chuyện bí mật trong nhà ông:

*Tuổi già lòng cụ không già,
Còn chơi trống bỏi ù lòa từ bao.
Nào ngờ mụ Hoạn mưu cao,
Giả làm thương hại rêu rao kiếm người.
Sẵn rồi còn phải tìm ai,
Dem về trình diện được lời bao dung.
Thấp cơ ông đã mắc vòng,
Tin mừng ông lại phô cùng mụ hay.
Lòng ghen mụ nghĩ đấng cay,
Cái đanh trước mắt quyết tay nhổ liền.
Ươn mình cô ả nằm rên,
Giả vờ lấy thuốc bảo liền uống đi.
Cô hầu ngay thực biết gì,
Uống rồi mê mệt li bì hại thay!
Tới khi thuốc đã ngấm rày,
Máu tươi hộc tháo chết ngay khôn cầm.
Xót thương ông chỉ âm thầm
Suối vàng riêng để ai ngầm chịu oan.
Trò cười để lại thế gian...*

Bài về ấy làm cho dư luận sôi nổi. Thân nhân cô hầu làm giấy kêu oan. Quan trên xét thực, vợ cả ông Mỗ bị tù và ông Mỗ cũng bị quở trách.

MỤC LỤC

- “Ông Âm” Cửa Đông	5
- Đền Hàng Trống phải chăng thờ một ca nhi tài sắc đã làm cho hoàng hậu nổi cơn ghen	10
- Đình Yên Lã	15
- Bãi quần ngựa của chú Cầu	19
- Cây dừa bêu đầu	24
- Xóm học trò	27
- Vững voi già	32
- Hồ xác trẻ	37
- Quan huyện Thọ khéo xử kiện	40
- Vị thần gọt gáy bôi vôi	45
- Pháp trường bãi Gáo	50
- Giai Ngô Trạm, gái Tạm Thương	56
- Mồ chú Phấn	60
- Cô hàng hương trước cửa chùa Quan Thượng	64
- Cô thầy tướng trước Văn Miếu	69
- Trường thi hương Hà Nội	74
- Khóa Liễn với ông Tiền quân Thành	78
- Tháp Tuyết Ni	85
- Bà Tiết chặt ngón tay	89
- Cây cổ thụ với ông Hoàng Diệu	94
- Hà Nội chính khí ca	97
- Điểm Vè	99

HÀ NỘI cũ

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM BÁ TOÀN
Chịu trách nhiệm bản thảo: NGUYỄN DUY TƯỜNG
Biên tập: PHẠM THÚY HỒNG
Trình bày, sửa bản in: MINH PHƯƠNG
Bìa: NGÔ TRỌNG HIỂN

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 043.8455766 - 043. 7470780; Fax 043. 7471106

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1
ĐT: 069. 667452 - 08. 9111563; Fax: 08. 39111563

Cơ quan đại diện tại Tp. Cần Thơ

Phi trường 31 - đường Cách mạng tháng Tám
ĐT: 069. 629905 - 0710.3814772; Fax: 0710. 3814772

Cơ quan đại diện tại Tp. Đà Nẵng

15A Duy Tân - Quận Hải Châu
ĐT: 0511. 6250803; Fax: 0511. 6250803

Bắt đầu in: Quý I-2010 In xong: Quý I-2010 Nộp lưu chiếu: Quý I-2010
Khổ sách: 14,5 x 20,5 Số trang: 104 Số lượng: 1.120
Số xuất bản: 1128-2009/CXB/29-259/QĐND
Sắp chữ tại: Nxb Quân đội nhân dân
In và đóng sách tại: Nhà máy in Quân đội 1 Số in: 0071

10
nămNhà sách **Thăng Long** BIẾT ƠN BẠN

22 / 4 / 2000 - 22 / 4 / 2010

**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU
BỘ SÁCH KỶ NIỆM NGÀN NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI**

1. 1000 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội qua ô chữ
2. Hệ giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội trong lịch sử giữ nước của dân tộc
3. Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội
4. Thăng Long thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 qua tư liệu người nước ngoài
5. Thăng Long - Hà Nội vẻ đẹp xưa và nay
6. Văn hóa gia đình người Hà Nội
7. Văn hóa Hà Nội tìm tòi và suy ngẫm
8. Thăng Long - Hà Nội những áng thiên cổ hùng văn
9. Hào khí Thăng Long - Hà Nội thời đại Hồ Chí Minh
10. Lễ hội hình thái văn hóa dân gian Hà Nội
11. Nét văn hóa thanh lịch của người Hà Nội
12. Hỏi đáp về di tích lịch sử Hà Nội
13. Hỏi đáp về 82 bia Tiến sĩ Văn miếu - Quốc Tử Giám - Hà Nội
14. Hỏi đáp về danh thắng ở Hà Nội
15. Hỏi đáp về 36 phố cổ Hà Nội
16. Hỏi đáp về những đường phố Hà Nội
17. Hỏi đáp về 5 cửa ô Hà Nội
18. Hỏi đáp về các làng nghề truyền thống Hà Nội
19. Hỏi đáp về sông, hồ, đền, chùa Hà Nội
20. Hỏi đáp về ẩm thực và trang phục Hà Nội xưa và nay
21. Hỏi đáp về những trận đánh lớn ở Thăng Long - Hà Nội
22. Phố phường Hà Nội xưa
23. Những công chúa kinh thành Thăng Long
24. Tướng lĩnh thành Thăng Long - 9 danh nhân Việt Nam giai đoạn 1010 - 1789
25. Danh nhân Hà Nội
26. Hà Nội cũ
27. Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội
28. Cẩm nang du lịch Hà Nội
29. Hà Nội - Những tình yêu không kỷ niệm
30. Ký sự địa chí Hà Nội
31. Hà Nội ca dao, ngôn ngữ



101111808



8 935075 919334

Giá: 17.000đ